Câu lạc bộ thợ điện Schneider Electric

Dành cho người thi công điện. Hội viên tham gia CLB Thợ điện Schneider Electric bằng cách TẢI VÀ ĐĂNG KÝ ứng dụng Thợ điện mySchneider Electrician sẽ được tham dự MIỄN PHÍ các khóa đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ.
Hội viên được tư vấn lựa chọn, hướng dẫn lắp đặt sản phẩm, tham quan nhà máy và tham gia các Chương trình khuyến mãi và tích lũy điểm thưởng khi có công trình sử dụng thiết bị Schneider Electric.

Điểm bán hàng ủy quyền

Dành cho các đại lý, tiệm điện. Các đại lý, tiệm điện tham gia chương trình sẽ được trang bị bảng hiệu, kệ trưng bày, bảng sản phẩm mẫu cùng các vật phẩm quảng cáo cần thiết khác nhằm quảng bá cho thương hiệu của đại lý và gia tăng doanh số bán hàng.

Kết nối người sử dụng

Dành cho chủ nhà và người sử dụng. Khách hàng đăng ký tham gia chương trình sẽ được tư vấn miễn phí cách thiết kế, lựa chọn, lắp đặt, sử dụng thiết bị điện an toàn, tiện nghi và hiệu quả. Đặc biệt khách hàng sẽ được tham quan phòng trưng bày giải pháp Nhà Thông Minh - Wiser Home của Schneider Electric.

Tải ngay ứng dụng mySchneider Electrician
Ứng dụng mới hữu ích dành cho thợ điện

ANDROID APP ON Google play

Schneider Electric Việt Nam

Email: customercare.vn@schneider-electric.com
Website: www.schneider-electric.com.vn
Facebook: www.facebook.com/SchneiderElectricVN
Hotline: **1800-585858** (Miễn cước cuộc gọi)

Hà Nội
Lầu 8, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Ba Đình
ĐT: (024) 3831 4037
Fax: (024) 3831 4039

Đà Nẵng
Phòng D, Lầu 6, Tòa nhà ACB
218 Bạch Đằng, Quận Hải Châu
ĐT: (0236) 387 2491
Fax: (0236) 387 2504

Hồ Chí Minh
Phòng 7.2, Lầu 7, Tòa nhà E-Town
364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình
ĐT: (028) 3810 3103
Fax: (028) 3812 0477

©2020 Bản quyền hoàn toàn thuộc về Tập đoàn Schneider Electric.

Scan để tải bản mềm

Schneider Electric ● 02.2020 ● Bảng giá dành cho Đại lý ● www.schneider-electric.com.vn

Thiết bị điện dân dụng cao cấp đến từ Pháp

Bảng giá
Dành cho **Đại lý**

02.2020

schneider-electric.com.vn

Life Is On Schneider Electric

Schneider Electric là chuyên gia quản lý năng lượng và tự động hóa trên toàn cầu, hoạt động trên 100 quốc gia, với mục tiêu giúp mọi người sử dụng năng lượng hiệu quả.

Văn phòng của Tập đoàn Schneider Electric tại Pháp,
Le Hive, Paris, FRANCE

Quý Khách Hàng thân mến,

Thay mặt Ban Giám Đốc Schneider Electric Việt Nam, tôi xin gửi đến Quý Khách Hàng lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất vì đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Là một công ty thành viên của tập đoàn Schneider Electric, sứ mệnh của chúng tôi luôn là nhà cung cấp giải pháp quản lí năng lượng và tự động hóa các quy trình an toàn, hiệu quả, không ngừng sáng tạo và đổi mới nhằm phục vụ tốt nhất cho Quý Khách Hàng.

Một trong những cải tiến vượt trội mà Schneider Electric đã mang đến cho khách hàng đó là dòng công tắc ổ cắm hoàn toàn phẳng Zencelo A, đây được xem như một chuẩn mực mới trong mặt hàng công tắc ổ cắm mặt chữ nhật. Với kiểu dáng sang trọng kết hợp với chức năng hiện đại như: ổ sạc USB, Zencelo A đang ngày càng khẳng định vị thế của mình trong lòng khách hàng.

Năm 2018, Schneider Electric giới thiệu đến thị trường bộ đôi công tắc ổ cắm AvatarOn và tủ điện Acti9, một sự kết hợp hoàn hảo cho ngôi nhà thân yêu. Ngoài tiêu chí sản phẩm an toàn, chất lượng cao, bộ đôi công tắc ổ cắm AvatarOn và tủ điện Acti9 có thiết kế tràn viền thời thượng, độc đáo và sáng tạo cùng mặt che có thể dễ dàng thay đổi giúp bạn thể hiện phong cách cho từng không gian sống, đồng thời khẳng định cá tính của mình một cách tinh tế nhất.

Bên cạnh đó, chúng tôi luôn lấy khách hàng làm trọng tâm và kim chỉ nam để phát triển bền vững. Các chương trình hỗ trợ bán hàng như: Câu lạc bộ thợ điện Schneider Electric Việt Nam; Điểm bán hàng ủy quyền; Chương trình dành cho đại lý; Chuẩn trưng bày Schneider Electric. Đây cũng chính là sự cam kết gắn bó lâu dài của Schneider Electric tại thị trường Việt Nam.

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Khách Hàng đã ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua và hy vọng tiếp tục nhận được sự đồng hành và tin tưởng của quý khách hàng trong thời gian sắp tới.

Trân trọng,

Hà Tôn Quế Tiên
Phó Tổng Giám Đốc
Schneider Electric Việt Nam & Cambodia

Life Is On Schneider Electric

Mục lục

CÔNG TẮC, Ổ CẮM ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN

08 Dòng AvatarOn
10 Dòng Vivace
13 Dòng Mureva
18 Dòng Zencelo A
20 Dòng Concept
22 Dòng S-Flexi
24 Dòng S-Classic
26 Dòng E30 & EMS
27 Bộ hẹn giờ công tắc đồng hồ CCT15101
28 Thiết bị cảm biến & Ổ âm sàn
Bộ hẹn giờ, Ổ cắm kéo dài thorsman
29 Thiết bị ổn áp (AVR) & Ổ cắm chống sét
30 Phích cắm & ổ cắm công nghiệp Series PK
33 Công tắc & ổ cắm phòng thấm nước dòng S56

THIẾT BỊ PHÂN PHỐI ĐIỆN HẠ THẾ

35 Tủ điện kim loại Acti9
36 Tủ điện dân dụng
38 Cầu dao tự động Easy9 - MCB
39 Easy9 RCCB, RCBO, SPD
40 Cầu dao tự động Acti9 - MCB iK60N & iC60N
41 Cầu dao tự động Acti9 - MCB iC60H & iC60L
42 Cầu dao tự động Acti9 - MCB C120N &C120H
43 Cầu dao tự động Acti9 - RCCB, RCBO, SPD
44 Khởi động từ và rơ le điều khiển Acti9
45 Cầu dao tự động dạng khối MCCB Easypact EZC100
46 Cầu dao tự động dạng khối MCCB Easypact EZC250 EZC400/630
47 Thiết bị chống dòng rò EasyPact ELCB
48 Cầu dao tự động dạng khối MCCB EasyPact CVS100/630
49 Cầu dao tự động dạng khối ComPact NSXm 16/160A
52 CB bảo vệ động cơ loại từ và từ nhiệt - Tesys GV
53 Khởi động từ Tesys D LC1D 9-150A
54 Rờ le nhiệt Tesys D LRD
55 Khởi động từ EasyPact TVS LC1E 6-630A
56 Rờ le nhiệt Easypact TVS LRE
57 Nút nhấn - đèn báo - công tắc xoay họ XB7
58 Nút nhấn - đèn báo - công tắc xoay họ XA2
60 Rờ le trung gian 2-4 C/O, 5-3A loại RXM••LB
61 Bộ nguồn 24V DC - ABL2K
62 Bộ điều khiển & đồng hồ

70% số vụ hỏa hoạn do sự cố điện gây ra*

BẠN CÓ BIẾT

Ngắn mạch

Khi dây nóng và dây nguội chập vào nhau làm phát sinh tia lửa điện

Ví dụ: Dây điện bị chuột cắn đứt vỏ, làm dây nóng chập với dây nguội

Quá tải

Khi sử dụng các thiết bị điện với công suất lớn hơn công suất nguồn

Ví dụ: Ổ cắm có dòng định mức 16A, ta cắm nhiều thiết bị cùng lúc dẫn đến ổ cắm bị quá tải, nóng lên rồi cháy

Dòng rò

Dòng điện bị rò rỉ ra ngoài vỏ thiết bị khi bộ cách điện hỏng hoặc dây dẫn điện bị bong tróc vỏ, đứt gãy

Ví dụ: Dây điện âm trong tường lâu năm bị nứt, khiến điện rò ra tường và nối đất

là những sự cố điện phổ biến nhất,
có thể gây hỏa hoạn hoặc giật chết người

*Theo PCCC TP.HCM 2015

Life Is On Schneider Electric

NEW
Hàng có sẵn

Ổ SẠC USB

Tiêu chuẩn quốc tế IEC60960-1

Sạc nhanh năng lượng, chủ động cuộc sống.

- Tốc độ sạc nhanh 2.1A
- Bảo vệ quá tải, dòng rò & sét lan truyền cho thiết bị sạc
- Dễ dàng lắp đặt với nhà hiện hữu

Dòng công tắc ổ cắm AvatarOn

Sáng không gian, đậm phong cách

Thiết kế độc đáo & sáng tạo

Công nghệ tiếp điểm “SS” đột phá giúp các trải nghiệm bật, tắt sản phẩm trở nên nhẹ nhàng và hoàn hảo chưa từng có

MECHANISM

DESIGN AWARD 2017

Công nghệ đèn LED hắt sáng tuyệt diệu

Đèn LED định vị ẩn dưới phím công tắc tạo một tổng thể thiết kế thanh thoát và trang nhã.

Các chức năng tiện ích

Móc treo chìa khóa, phím đỡ điện thoại kết hợp ổ sạc USB mang lại nhiều tiện ích cho cuộc sống.

Biến hóa không giới hạn

Các mặt che công tắc có thể thay đổi dễ dàng giúp bạn thể hiện phong cách cho từng không gian sống, khẳng định cá tính của mỗi người một cách tinh tế nhất.

Công tắc dòng AvatarOn

Bộ công tắc đơn 1 chiều 16AX, có đèn LED	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E8331L1LED_WE_G19	□	165.000
E8331L1LED_WG_G19	■	209.000
E8331L1LED_WD_G19	■	231.000

Bộ công tắc đôi 1 chiều 16AX, có đèn LED	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E8332L1LED_WE_G19	□	242.000
E8332L1LED_WG_G19	■	308.000
E8332L1LED_WD_G19	■	341.000

Bộ công tắc ba 1 chiều 16AX, có đèn LED	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E8333L1LED_WE_G19	□	330.000
E8333L1LED_WG_G19	■	418.000
E8333L1LED_WD_G19	■	473.000

Bộ công tắc bốn 1 chiều 16AX, có đèn LED	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	8/48	
E8334L1LED_WE_G19	□	506.000
E8334L1LED_WG_G19	■	649.000
E8334L1LED_WD_G19	■	726.000

Bộ công tắc đơn 2 chiều 16AX, có đèn LED	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E8331L2LED_WE_G19	□	187.000
E8331L2LED_WG_G19	■	245.300
E8331L2LED_WD_G19	■	275.000

Bộ công tắc đôi 2 chiều 16AX, có đèn LED	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E8332L2LED_WE_G19	□	286.000
E8332L2LED_WG_G19	■	363.000
E8332L2LED_WD_G19	■	407.000

Bộ công tắc ba 2 chiều 16AX có đèn LED	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E8333L2LED_WE_G19	□	396.000
E8333L2LED_WG_G19	■	506.000
E8333L2LED_WD_G19	■	561.000

Bộ công tắc bốn 2 chiều 16AX, có đèn LED	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	8/48	
E8334L2LED_WE_G19	□	627.000
E8334L2LED_WG_G19	■	748.000
E8334L2LED_WD_G19	■	825.000

Bộ công tắc trung gian 16AX	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	8/48	
E8331M_WE_G19	□	286.000
E8331M_WG_G19	■	363.000

THAM KHẢO MÀU SẮC

□ Mã_WE
Màu trắng

■ Mã_WG
Màu vàng ánh kim

■ Mã_WD
Màu gỗ

Công tắc dòng AvatarOn

Bộ công tắc đơn 2 cực 20A	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E8331D20N_WE_G19	□	374.000
E8331D20N_WG_G19	■	539.000
E8331D20N_WD_G19	■	539.000

Bộ công tắc đôi 2 cực 20A	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	8/48	
E8332D20N_WE_G19	□	715.000
E8332D20N_WG_G19	■	968.000
E8332D20N_WD_G19	■	1.023.000

Nút nhấn chuông đơn 10A	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E8331BPL1_WE_G19	□	231.000
E8331BPL1_WG_G19	■	286.000
E8331BPL1_WD_G19	■	330.000

Bộ điều chỉnh ánh sáng đèn 250VA (điều chỉnh đèn LED từ 3w - 100W)	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	8/48	
E8331RD250_WE	□	1.419.000
E8331RD250_WG	■	1.639.000

Ổ cắm dòng AvatarOn

Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E83426UES2_WE_G19	□	308.000
E83426UES2_WG_G19	■	374.000
E83426UES2_WD_G19	■	440.000

Bộ ổ cắm đôi 2 chấu 10A	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E83426U2_WE_G19	□	187.000
E83426U2_WG_G19	■	231.000
E83426U2_WD_G19	■	253.000

Bộ ổ sạc USB đôi 2.1A	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	8/48	
E8332USB_WE_G19	□	1.276.000
E8332USB_WG_G19	■	1.529.000
E8332USB_WD_G19	■	1.848.000

Bộ ổ cắm đa năng và sạc USB đôi	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	8/48	
E8342616USB_WE_G19	□	1.881.000
E8342616USB_WG_G19	■	2.288.000

Bộ ổ cắm đơn đa năng 16A	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E83426TS_WE_G19	□	396.000
E83426TS_WG_G19	■	495.000

Bộ ổ cắm đơn đa năng 16A, có công tắc	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	12/72	
E8315TS_WE_G19	□	462.000
E8315TS_WG_G19	■	572.000

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ cắm TV, mạng, điện thoại dòng AvatarOn

Bộ ổ cắm TV đơn

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E8331TV_WE_G19		308.000
E8331TV_WG_G19		374.000
E8331TV_WD_G19		418.000

Bộ ổ cắm TV đôi

	10/60	
E8332TV_WE_G19		429.000
E8332TV_WG_G19		517.000

Bộ ổ cắm điện thoại đơn

	10/60	
E8331RJS4_WE_G19		198.000
E8331RJS4_WG_G19		242.000
E8331RJS4_WD_G19		264.000

Bộ ổ cắm điện thoại đôi

	10/60	
E8332RJS4_WE_G19		319.000
E8332RJS4_WG_G19		374.000
E8332RJS4_WD_G19		429.000

Bộ ổ cắm mạng cat5e đơn

	10/60	
E8331RJS5_WE_G19		253.000
E8331RJS5_WG_G19		308.000
E8331RJS5_WD_G19		352.000

Bộ ổ cắm mạng cat5e đôi

	10/60	
E8332RJS5_WE_G19		407.000
E8332RJS5_WG_G19		495.000
E8332RJS5_WD_G19		561.000

Bộ ổ cắm mạng cat6 đơn

	10/60	
E8331RJS6_WE_G19		352.000
E8331RJS6_WG_G19		429.000

Bộ ổ cắm mạng cat6 đôi

	10/60	
E8332RJS6_WE_G19		528.000
E8332RJS6_WG_G19		638.000

Bộ ổ cắm TV và Bộ ổ cắm mạng cat5e

	10/60	
E8332TVRJS5_WE_G19		451.000
E8332TVRJS5_WG_G19		539.000
E8332TVRJS5_WD_G19		616.000

Bộ ổ cắm điện thoại và Bộ ổ cắm mạng cat5e

	10/60	
E8332TDRJS5_WE_G19		363.000
E8332TDRJS5_WG_G19		440.000
E8332TDRJS5_WD_G19		495.000

Bộ ổ cắm TV và Bộ ổ cắm mạng cat6

	10/60	
E8332TVRJS6_WE_G19		528.000
E8332TVRJS6_WG_G19		649.000

Thiết bị dành cho khách sạn dòng AvatarOn

Bộ ổ cắm dao cạo râu

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	1/20	
E83T727V_WE_G19		1.837.000
E83T727V_WG_G19		2.211.000
E83T727V_WD_G19		2.618.000

Bộ công tắc chìa khoá thẻ

	10/60	
E8331EKT_WE_G19		1.221.000
E8331EKT_WG_G19		1.463.000
E8331EKT_WD_G19		1.760.000

Bộ công tắc chuông "Không làm phiền", "Xin dọn phòng", "Vui lòng chờ"

	10/60	
E8331BPDMW_WE_G19		671.000
E8331BPDMW_WG_G19		803.000
E8331BPDMW_WD_G19		946.000

Bộ công tắc "Không làm phiền", "Xin dọn phòng", "Vui lòng chờ"

	10/60	
E8333DMWS_WE_G19		605.000
E8333DMWS_WG_G19		715.000
E8333DMWS_WD_G19		858.000

Phụ kiện dòng AvatarOn

Mặt che trơn

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	12/72	
E8330X_WE_G19		121.000
E8330X_WG_G19		154.000
E8330X_WD_G19		187.000

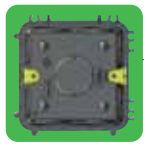

Đế âm cho mặt đơn chuẩn Anh

A3B050_G19	26.400

Thiết bị khác dòng AvatarOn

Đèn chân tường

	1/8	
E8390FLW_WE_G19		638.000

Cảm biến chất lượng không khí

	1/5	
E83PM25_WE		2.145.000

Giá trên đã bao gồm VAT

Công tắc dòng Vivace

Bộ công tắc đơn 1 chiều 16AX

Đóng gói: 8/80

		Đơn giá (VNĐ)
KB31_1_WE_G19	☐	61.600
KB31_1_AS_G19	■	77.000

Bộ công tắc đôi 1 chiều 16AX

Đóng gói: 8/80

		Đơn giá (VNĐ)
KB32_1_WE_G19	☐	88.000
KB32_1_AS_G19	■	110.000

Bộ công tắc ba 1 chiều 16AX

Đóng gói: 8/80

		Đơn giá (VNĐ)
KB33_1_WE_G19	☐	116.600
KB33_1_AS_G19	■	143.000

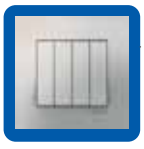

Bộ công tắc bốn 1 chiều 16AX

Đóng gói: 5/50

		Đơn giá (VNĐ)
KB34S_1_WE_G19	☐	308.000
KB34S_1_AS_G19	■	385.000

Bộ công tắc đơn 2 chiều 16AX

Đóng gói: 8/80

		Đơn giá (VNĐ)
KB31_WE_G19	☐	66.000
KB31_AS_G19	■	79.200

Bộ công tắc đôi 2 chiều 16AX

Đóng gói: 8/80

		Đơn giá (VNĐ)
KB32_WE_G19	☐	107.800
KB32_AS_G19	■	132.000

Bộ công tắc ba 2 chiều 16AX

Đóng gói: 8/80

		Đơn giá (VNĐ)
KB33_WE_G19	☐	154.000
KB33_AS_G19	■	187.000

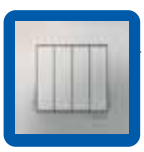

Bộ công tắc bốn 2 chiều 16AX

Đóng gói: 5/50

		Đơn giá (VNĐ)
KB34S_WE_G19	☐	341.000
KB34S_AS_G19	■	429.000

Bộ công tắc trung gian 10AX

Đóng gói: 8/80

		Đơn giá (VNĐ)
KB31IA_WE_G19	☐	212.300
KB31IA_AS_G19	■	275.000

Bộ nút nhấn chuông 10A

Đóng gói: 8/80

		Đơn giá (VNĐ)
KB31BPB_WE_G19	☐	77.000
KB31BPB_AS_G19	■	99.000

Công tắc 2 cực dòng Vivace

Bộ công tắc đơn 2 cực 20A

Đóng gói: 10/100

		Đơn giá (VNĐ)
KB31D20NE_WE_G19	☐	165.000
KB31D20NE_AS_G19	■	209.000

Bộ công tắc đôi 2 cực 20A

Đóng gói: 10/100

		Đơn giá (VNĐ)
KB32D20NE_WE_G19	☐	319.000
KB32D20NE_AS_G19	■	396.000

Bộ công tắc đơn 2 cực 45A

Đóng gói: 10/100

		Đơn giá (VNĐ)
KB31DR45N_WE_G19	☐	517.000
KB31DR45N_AS_G19	■	660.000

Ổ cắm dòng Vivace

Bộ ổ cắm đơn 2 chấu 10A

Đóng gói: 10/100

		Đơn giá (VNĐ)
KB426US_WE_G19	☐	110.000
KB426US_AS_G19	■	132.000

Bộ ổ cắm đôi 2 chấu 10A

Đóng gói: 10/100

		Đơn giá (VNĐ)
KB426US2_WE_G19	☐	132.000
KB426US2_AS_G19	■	165.000

Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 16A

Đóng gói: 10/100

		Đơn giá (VNĐ)
KB426UEST_G19	☐	132.000
KB426UEST_AS_G19	■	166.100

Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A

Đóng gói: 9/90

		Đơn giá (VNĐ)
KB426UES2_WE_G19	☐	198.000
KB426UES2_AS_G19	■	275.000

Bộ ổ cắm đơn đa năng 13A

Đóng gói: 10/100

		Đơn giá (VNĐ)
KB413S_G19	☐	165.000
KB413S_AS_G19	■	203.500

Bộ ổ cắm đơn đa năng 13A có công tắc

Đóng gói: 10/100

		Đơn giá (VNĐ)
KB113LS_WE_G19	☐	176.000
KB113LS_AS_G19	■	231.000

Bộ ổ cắm đôi đa năng 13A

Đóng gói: 10/100

		Đơn giá (VNĐ)
KBT413S_WE_G19	☐	341.000
KBT413S_AS_G19	■	440.000

Đế âm

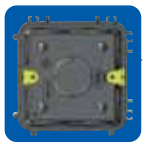

Đế âm cho mặt đơn chuẩn Anh

	Đơn giá (VNĐ)
A3B050_G19	26.400

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ TV, mạng, điện thoại dòng Vivace

Bộ ổ cắm TV đơn — Đóng gói 10/100 — Đơn giá (VNĐ)

KB31TV_WE_G19	☐	134.200
KB31TV_AS_G19	■	165.000

Bộ ổ cắm TV đôi — 10/100

KB32TV_G19	☐	297.000
KB32TV_AS_G19	■	297.000

Bộ ổ cắm điện thoại đơn — 10/100

KB31TS_WE_G19	☐	121.000
KB31TS_AS_G19	■	143.000

Bộ ổ cắm điện thoại đôi — 10/100

KB32TS_G19	☐	242.000
KB32TS_AS_G19	■	242.000

Bộ ổ cắm mạng cat5e đơn — 10/100

KB31RJ5E_WE_G19	☐	167.200
KB31RJ5E_AS_G19	■	220.000

Bộ ổ cắm mạng cat5e đôi — 8/80

KB32RJ5E_G19	☐	396.000
KB32RJ5E_AS_G19	■	396.000

Bộ ổ cắm mạng cat6 đơn — 10/100

KB31RJ6_WE_G19	☐	281.600
KB31RJ6_AS_G19	■	281.600

Bộ ổ cắm mạng cat6 đôi — 8/80

KB32RJ6_G19	☐	341.000
KB32RJ6_AS_G19	■	407.000

Bộ ổ cắm điện thoại và mạng cat5e — 8/80

KB32TS_RJ5E_G19	☐	352.000
KB32TS_RJ5E_AS_G19	■	352.000

THAM KHẢO MÀU SẮC

☐ Mã_WE
Màu trắng

■ Mã_AS
Màu xám bạc

Ổ cắm USB dòng Vivace

Bộ ổ cắm sạc USB đơn 2.1A — 8/80

KB31USB_WE_G19	☐	1.023.000
KB31USB_AS_G19	■	1.243.000

Bộ ổ cắm sạc USB đôi 2.1A — 8/80

KB32USB_WE_G19	☐	1.617.000
KB32USB_AS_G19	■	1.969.000

Bộ ổ cắm đa năng và sạc USB đôi — 8/48

KB42616USB_WE_G19	☐	1.628.000
KB42616USB_AS_G19	■	2.024.000

Dimmer dòng Vivace

Dimmer điều chỉnh ánh sáng đèn 400W — Đóng gói 8/80 — Đơn giá (VNĐ)

KB31RD400_WE	☐	506.000
KB31RD400_AS	■	682.000

Bộ công tắc điều chỉnh tốc độ quạt — 10/100

KB31RF250_WE	☐	407.000
KB31RF250_AS	■	550.000

Thiết bị dành cho khách sạn dòng Vivace

Bộ công tắc chuông "Không làm phiền", "Xin dọn phòng" — Đóng gói 8/80 — Đơn giá (VNĐ)

KB31BD_C_WE_G19	☐	374.000
KB31BD_C_AS_G19	■	484.000

Bộ công tắc "Không làm phiền", "Xin dọn phòng" — 8/80

KB32SDC_WE_G19	☐	330.000
KB32SDC_AS_G19	■	418.000

Bộ công tắc chìa khoá thẻ — 6/60

KB31EKT_WE	☐	990.000
KB31EKT_AS	■	1.089.000

Bộ ổ cắm dao cạo râu — 2/20

KBT727V_WE_G19	☐	1.507.000
KBT727V_AS_G19	■	1.694.000

Phụ kiện dòng Vivace

Mặt che trơn đơn — Đóng gói 15/150 — Đơn giá (VNĐ)

KB30_WE_G19	☐	66.000
KB30_AS_G19	■	88.000

Mặt đấu dây 25A — NEW — 15/150

KB31TB_WE_G19	☐	143.000
KB31TB_AS_G19	■	187.000

Giá trên đã bao gồm VAT

Life Is On | Schneider Electric

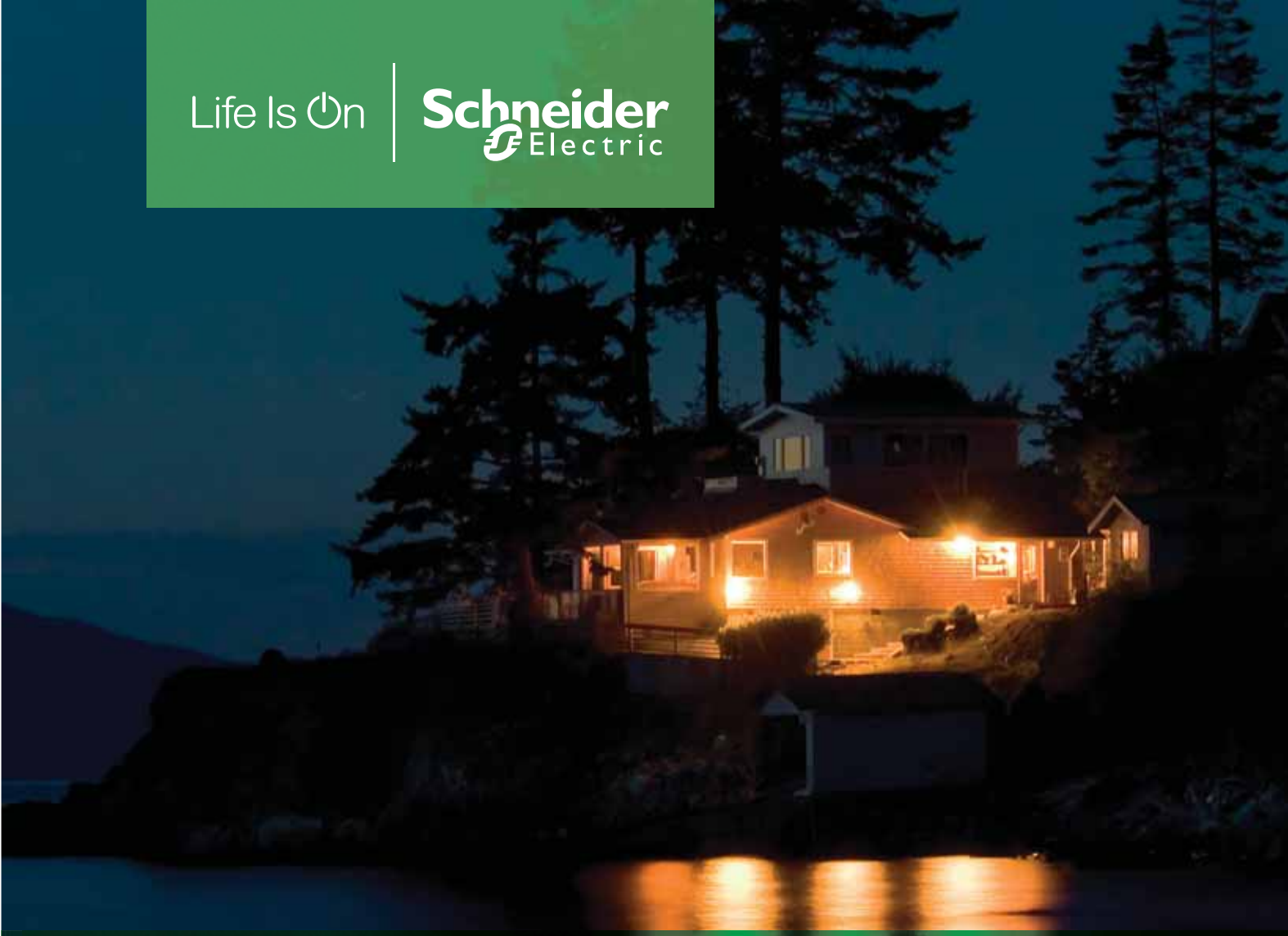

Bừng sáng không gian sống

Đèn pha LED Mureva

Với thiết kế chịu được các điều kiện khắc nghiệt của thời tiết, đèn pha LED Mureva với cảm biến chuyển động đảm bảo an ninh cho ngôi nhà bạn.

se.com/vn/vi

Đèn pha LED

THPS2859-105.eps

Đèn pha LED

Mô tả sản phẩm

Đèn pha LED Mureva được thiết kế với nhiều tính năng nổi bật, kích thước đa dạng cùng với dải công suất lớn đáp ứng được mọi nhu cầu của khách hàng.
Tất cả các sản phẩm đèn pha LED Mureva đều được trang bị công nghệ đèn LED hiện đại nhất với hiệu quả năng lượng tối ưu, chất lượng chiếu sáng vượt trội và tuổi thọ lâu dài
Đèn pha LED Mureva chưa bao gồm phích cắm.

Ứng dụng

Nhờ chỉ số phòng thấm nước IP cao, đèn pha LED Mureva thích hợp sử dụng trong mọi điều kiện thời tiết, trong nhà hay ngoài trời.
Đèn pha LED Mureva đem lại chất lượng ánh sáng vượt trội, đáng tin cậy. Với hiệu suất vượt trội 100 lux/W giúp tối ưu hóa cho nhiều mục đích sử dụng với giá cả cạnh tranh, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về hiệu quả và độ tin cậy trong các ứng dụng chiếu sáng hiện đại, tối ưu cho cả chiếu sáng thương mại lẫn dân dụng.

Lợi ích

- Giá đỡ thiết kế linh hoạt giúp lắp đặt dễ dàng
- Được sử dụng trong mọi điều kiện thời tiết, trong nhà hay ngoài trời
- Có thể treo và gắn vào tất cả các loại bề mặt kiến trúc, hoặc gắn lên khung đỡ
- Công nghệ đèn LED hiệu quả: 100lm/W
- Chip đèn LED với hiệu suất cao: tuổi thọ 50,000 giờ
- Không phát sinh nhiệt

Thông số kỹ thuật

- Góc chùm: 110°
- Chỉ số hoàn màu (CRI): 80
- Tuổi thọ: 50,000 giờ
- Nhiệt độ làm việc: -30°C đến +45°C

Green Premium™

RoHS compliant

Chứng nhận

Dòng

Mureva FL, 230 V	Loại	Nhiệt độ màu	Công suất	Quang thông	Loại dây cáp	Cấp bảo vệ	Khối lượng	Mã sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)
P148435-15.eps	Mureva FL 20 W	4000 K	20 W	2,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	530 g	**IMT47208**	528.000
	Mureva FL 20 W	6500 K	20 W	2,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	530 g	**IMT47209**	528.000
	Mureva FL 30 W	4000 K	30 W	3,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	780 g	**IMT47210**	715.000
	Mureva FL 30 W	6500 K	30 W	3,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	780 g	**IMT47211**	715.000
	Mureva FL 50 W	4000 K	50 W	5,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	1020 g	**IMT47212**	1.045.000
	Mureva FL 50 W	6500 K	50 W	5,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	1020 g	**IMT47213**	1.045.000
	Mureva FL 100 W	4000 K	100 W	10,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	1950 g	**IMT47214**	1.991.000
	Mureva FL 100 W	6500 K	100 W	10,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	1950 g	**IMT47215**	1.991.000
P148433-25.eps	Mureva FL 150 W	6500 K	150 W	15,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	4050 g	**IMT47222**	6.457.000
	Mureva FL 200 W	6500 K	200 W	20,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	4900 g	**IMT47223**	7.381.000
	Mureva FL 300 W	6500 K	300 W	30,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	7640 g	**IMT47224**	10.637.000
Mureva FL, IR Sensor 230 V									
P148440-21.eps	Mureva FL 20 W	4000 K	0 W	2,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP44	570 g	**IMT47216**	1.122.000
	Mureva FL 20 W	6500 K	0 W	2,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP44	570 g	**IMT47217**	1.122.000
	Mureva FL 30 W	4000 K	0 W	3,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP44	820 g	**IMT47218**	1.320.000
	Mureva FL 30 W	6500 K	0 W	3,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP44	820 g	**IMT47219**	1.320.000
	Mureva FL 50 W	4000 K	0 W	5,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP44	1060 g	**IMT47220**	1.694.000
	Mureva FL 50 W	6500 K	0 W	5,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP44	1060 g	**IMT47221**	1.694.000

Đèn pin cầm tay. Bền bỉ, mạnh mẽ, tiện dụng

Đèn đeo đầu. Dễ dàng làm việc

Đầu sạc USB

Dễ dàng gắn vào túi quần hay thắt lưng

Điều chỉnh được độ sáng của đèn

Có thể thay đổi độ sáng của đèn bằng việc di chuyển tay trước cảm biến của đèn LED, không cần chạm vào đèn

Đầu nam châm cực mạnh

Móc linh hoạt

Công suất mạnh

Lợi ích

- Đa chức năng và linh hoạt: ứng dụng cho nhiều mục đích khác nhau
- Ánh sáng có thể được chiếu ở mọi góc cạnh khác nhau
- Nhỏ gọn và dễ dàng cất giữ
- Thích hợp sử dụng trong mọi điều kiện thời tiết, trong nhà hay ngoài trời (IMT42739)
- Cảm biến chuyển động để tiết kiệm năng lượng (IMT42739)
- Dây đeo linh hoạt thoải mái, có thể đeo trên mũ bảo hiểm
- Nam châm cực mạnh bám chặt trên bề mặt kim loại (IMT42738)
- Công nghệ đèn LED hiệu quả
- Thời gian hoạt động lên đến 8 giờ
- Không phát sinh nhiệt

Thông số kỹ thuật

- Pin Lithium 3.7 V:
  - IMT47238: 1500 mAh
  - IMT47239: 1600 mAh
- Nhiệt độ hoạt động: -10°C đến +40°C
- Thời gian sạc:
  - IMT47238: 3 giờ
  - IMT47239: 4 giờ
- Thời gian hoạt động:
  - IMT47238: 8 giờ / 4 giờ
  - IMT47239: 5 giờ / 3 giờ

Green Premium™

RoHS compliant

Dòng

Đèn pha LED chuyên dụng có thể sạc	Loại	Nhiệt độ màu	Công suất	Quang thông	Loại dây cáp	Cấp bảo vệ	Khối lượng	Mã sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)
	Đèn pin cầm tay Thorsman	6000-7000 K	3 W	280 lm	Cáp USB 1 m	IP20	175 g	**IMT47238**	869.000
	Đèn pin đeo đầu Thorsman với cảm biến chuyển động	6000-7000 K	3 W	250lm	Cáp USB 1 m	IP54	155 g	**IMT47239**	1.276.000

MUREVA

Được nhập khẩu từ **Ba Lan**
Chỉ số IP55 và IK08 giúp tối ưu
khả năng chịu đựng của **Mureva**
trong mọi điều kiện thời tiết
Lắp ráp **nhanh chóng** và **dễ dàng**

MUR35021 MUR36034

Bộ công tắc

NEW

Đơn giá (VNĐ)

Bộ công tắc đơn hai chiều 10AX
MUR35021 — 407.000

Bộ công tắc đôi hai chiều 10AX
MUR35022 — 506.000

Bộ công tắc đơn hai chiều 10AX, có đèn LED
MUR35024 — 627.000

Bộ công tắc đơn hai cực16AX
MUR35033 — 561.000

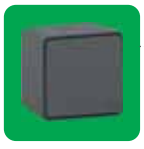

Bộ công tắc trung gian 10AX
MUR35023 — 517.000

Nút nhấn 10A
MUR35026 — 396.000

Bộ ổ cắm

NEW

Đơn giá (VNĐ)

Ổ cắm đơn 16A 2P+E
MUR36034 — 429.000

Ổ cắm đôi
MUR36029 — 968.000

Ổ cắm ba 16A 2P+E
MUR36038 — 1.529.000

Ổ cắm đơn có công tắc 10AX
MUR36024 — 847.000

Lưu ý: Bộ sản phẩm Mureva phù hợp gắn nổi
Ổ cắm Mureva phù hợp với phích cắm chuẩn Schuko (2 chấu tròn)

Giá trên đã bao gồm VAT

ZENcelo A
be in-standing

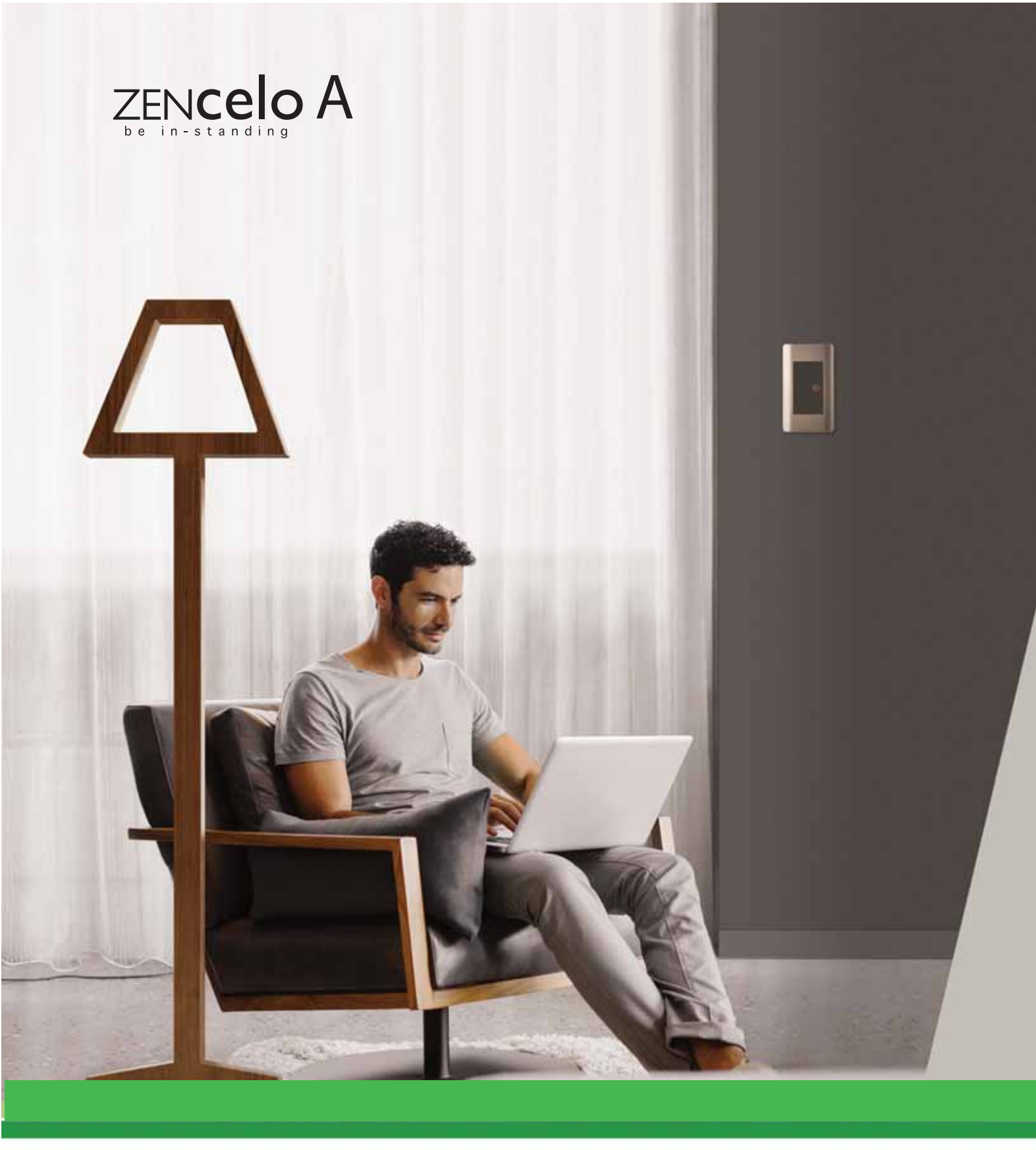

PHONG CÁCH SỐNG MỚI CHO NGÔI NHÀ BẠN

Zencelo A khẳng định ưu thế vượt bậc và tiên phong khi áp dụng công nghệ IMPRESS nhấn tắt nhấn mở cùng một vị trí và đèn LED sang trọng giúp xác định công tắc trong bóng tối. Sản phẩm đạt giải thưởng iF, giải thưởng toàn cầu dành cho lĩnh vực thiết kế.

schneider-electric.com.vn

ZENcelo A
DÒNG CÔNG TẮC
HOÀN TOÀN PHẲNG THẾ HỆ MỚI

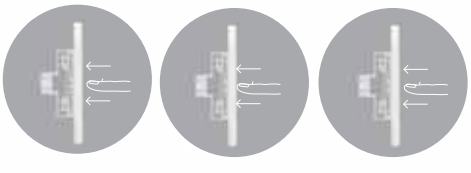

Cơ chế iso-motion-press: Nhấn tắt nhấn mở tại cùng một vị trí

15.000 lần rút cắm cho ổ cắm
80.000 lần bật tắt cho công tắc
Vật liệu polycarbonate bền bỉ chống ăn mòn, chống va đập & chịu nhiệt cao

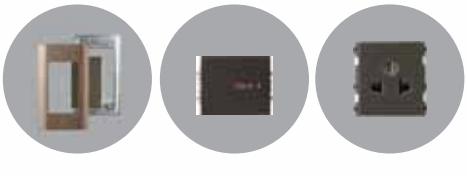

Thiết kế module trên bề mặt kim loại chống gỉ

Sang trọng và ấn tượng với đèn LED hiển thị vị trí công tắc

Mặt cho dòng Zencelo A

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Mặt cho 1 thiết bị, size S	15/150	
A8401S_WE_G19	☐	37.400
A8401S_SZ_G19	■	52.800

Mặt cho 2 thiết bị, size S	15/150	
A8402S_WE_G19	☐	37.400
A8402S_SZ_G19	■	52.800

Mặt cho 3 thiết bị, size L	15/150	
A8401L_WE_G19	☐	37.400
A8401L_SZ_G19	■	52.800

Mặt cho 4 thiết bị, size S	7/70	
A84T04L_WE_G19	☐	69.300
A84T04L_SZ_G19	■	97.900

Mặt cho 6 thiết bị, size S	7/70	
A84T02L_WE_G19	☐	69.300
A84T02L_SZ_G19	■	97.900

Mặt cho 1 thiết bị, size M	15/150	
A8401M_WE_G19	☐	37.400
A8401M_SZ_G19	■	52.800

Lõi che cầu dao an toàn (Dùng với A8401L_WE_G19/ A8401L_SZ_G19	15/150	
A8401SB_WE_G19	☐	16.500
A8401SB_SZ_G19	■	22.000

Mặt cho MCB 1 cực	15/150	
A8401MCB_WE_G19	☐	37.400
A8401MCB_SZ_G19	■	52.800

Mặt cho MCB 2 cực	15/150	
A8402MCB_WE_G19	☐	37.400
A8402MCB_SZ_G19	■	52.800

Ổ cắm TV, mạng, điện thoại dòng Zencelo A

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Ổ data cat6, size S	18/180	
8431SRJ6V_WE_G19	☐	242.000
8431SRJ6V_BZ_G19	■	286.000

Ổ điện thoại, size S	24/240	
8431SRJ4_WE_G19	☐	125.400
8431SRJ4_BZ_G19	■	145.200

Ổ TV, size S	24/240	
8431STV_WE_G19	☐	125.400
8431STV_BZ_G19	■	145.200

Công tắc dòng Zencelo A

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Công tắc 1 chiều 16AX, size S	24/240	
8431S_1_WE_G19	☐	69.300
8431S_1_BZ_G19	■	89.100

Công tắc 2 chiều 16AX, size S	24/240	
8431S_2_WE_G19	☐	91.300
8431S_2_BZ_G19	■	110.000

Công tắc 1 chiều 16AX, size M	16/160	
8431M_1_WE_G19	☐	88.000
8431M_1_BZ_G19	■	101.200

Công tắc 2 chiều 16AX, size M	16/160	
8431M_2_WE_G19	☐	110.000
8431M_2_BZ_G19	■	130.900

Công tắc 1 chiều 16AX, size L	8/80	
8431L_1_WE_G19	☐	99.000
8431L_1_BZ_G19	■	112.200

Công tắc 2 chiều 16AX, size L	8/80	
8431L_2_WE_G19	☐	132.000
8431L_2_BZ_G19	■	146.300

Công tắc trung gian 16AX, size M	16/160	
8431M_3_WE_G19	☐	143.000
8431M_3_BZ_G19	■	165.000

Công tắc 2 cực 20A, size M (Đèn LED sáng khi công tắc bật)	16/160	
8431MD20_WE_G19	☐	253.000
8431MD20_BZ_G19	■	308.000

Nút nhấn chuông, size S	24/240	
8431SBP_WE_G19	☐	121.000
8431SBP_BZ_G19	■	132.000

Nút che trơn, size S	45/450	
8430SP_WE_G19	☐	9.900
8430SP_BZ_G19	■	12.100

Nút che trơn, size L	15/150	
8430LP_WE_G19	☐	22.000
8430LP_BZ_G19	■	25.300

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ cắm cho dòng Zencelo A

Ổ cắm đơn 2 chấu 10A, size S — Đóng gói 24/240

	Đơn giá (VNĐ)
84426SUS_WE_G19	66.000
84426SUS_BZ_G19	77.000

Ổ cắm đơn 3 chấu 16A, size 2S — Đóng gói 12/120

	Đơn giá (VNĐ)
84426MUES_WE_G19	121.000
84426MUES_BZ_G19	143.000

Ổ cắm đôi 3 chấu 16A, size L — Đóng gói 8/80

	Đơn giá (VNĐ)
84426LUES2_WE_G19	143.000
84426LUES2_BZ_G19	165.000

Ổ sạc USB 2.1A đơn, size S — Đóng gói 12/120 — NEW

	Đơn giá (VNĐ)
8431USB_WE	374.000
8431USB_BZ	429.000

Ổ sạc USB 2.1A đôi, size 2S — Đóng gói 6/60 — NEW

	Đơn giá (VNĐ)
8432USB_WE	517.000
8432USB_BZ	616.000

Thiết bị dành cho khách sạn dòng Zencelo A

Công tắc chìa khóa thẻ — Đóng gói 30/240

	Đơn giá (VNĐ)
A8431EKT_WE	1.111.000
A8431EKT_SZ	1.276.000

Ổ cắm dao cạo râu — Đóng gói 1/18

	Đơn giá (VNĐ)
A84727_WE	2.277.000
A84727_SZ	2.871.000

Đèn hiện thị "Không làm phiền" — Đóng gói 24/240

	Đơn giá (VNĐ)
8430SDND_WE_G19	286.000
8430SDND_BZ_G19	352.000

Đèn hiển thị "Xin dọn phòng" — Đóng gói 24/240

	Đơn giá (VNĐ)
8430SPCU_WE_G19	286.000
8430SPCU_BZ_G19	352.000

Công tắc "Không làm phiền" — Đóng gói 24/240

	Đơn giá (VNĐ)
8431SDND_WE_G19	396.000
8431SDND_BZ_G19	484.000

Công tắc "Xin dọn phòng" — Đóng gói 24/240

	Đơn giá (VNĐ)
8431SPCU_WE_G19	396.000
8431SPCU_BZ_G19	484.000

Phụ kiện dòng Zencelo A

Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt — Đóng gói 12/48

	Đơn giá (VNĐ)
3031V400FM_K_WE	396.000
3031V400FM_C15518	418.000

Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn 500W — Đóng gói 12/48

	Đơn giá (VNĐ)
3031V500M_K_WE	330.000
3031V500M_C15518	418.000

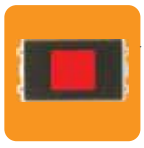

Đèn bảo đỏ — Đóng gói 24/240

	Đơn giá (VNĐ)
8430SNRD_WE_G19	154.000
8430SNRD_BZ_G19	176.000

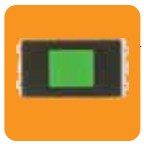

Đèn báo xanh — Đóng gói 24/240

	Đơn giá (VNĐ)
8430SNGN_WE_G19	154.000
8430SNGN_BZ_G19	176.000

THAM KHẢO MÀU SẮC

☐ Mã_WE
Màu trắng

■ Mã_BZ
Màu đồng ánh bạc

Mặt cho dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Mặt cho 1 thiết bị, size S A3001_G19	20/200	17.600
Mặt cho 2 thiết bị, size S A3002_G19	20/200	17.600
Mặt cho 3 thiết bị, size S A3000_G19	20/200	17.600
Mặt cho 4 thiết bị, size S A3004T2_WE_G19	15/150	39.600
Mặt cho 6 thiết bị A3000T2_G19	10/100	39.600
Mặt che trơn A3030VX_G19	20/200	17.600
Lõi che cầu dao an toàn (Dùng với A3000_G19) A3001SB_WE_G19	10/100	11.000
Mặt cho MCB 1 cực A3001MCB_WE_G19	15/150	19.800
Mặt cho MCB 2 cực A3002MCB_WE_G19	15/150	19.800

Công tắc dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Công tắc 1 chiều 16AX có dạ quang, size S 3031_1_2M_F_G19	12/60/600	23.100
Công tắc 2 chiều 16AX có dạ quang, size S 3031_2_3M_F_G19	12/60/600	44.000
Công tắc 1 chiều 16AX có dạ quang, size M 3031M1_2M_F_G19	8/40/400	55.000
Công tắc 2 chiều 16AX có dạ quang, size M 3031M2_3M_F_G19	8/40/400	73.700
Công tắc 1 chiều 16AX có dạ quang, size L 3031E1_2M_F_G19	4/20/200	66.000
Công tắc 2 chiều 16AX có dạ quang, size L 3031E2_3M_F_G19	4/20/200	77.000
Công tắc 1 chiều 16AX có đèn báo, size S 3031_1_2NM_G19	12/60600	118.800
Công tắc 2 cực 20A có đèn báo, size L 3031EMD20NM_G19	4/20/200	137.500
Nút nhấn chuông, size L 3031EMBP2_3_G19	4/20/200	69.300
Nút che trơn, size S 3030P_G19	24/120/1200	8.800

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ cắm dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Ổ cắm đơn 2 chấu 10A 3426USM_G19	12/60/600	37.400
Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 3426UESTM_G19	6/30/300	68.200
Ổ cắm đôi 3 chấu 16A 3426UEST2M_G19	32/320	99.000
Ổ cắm sạc USB 2.1A đơn 3031USB_WE	48/480	NEW 352.000
Ổ cắm sạc USB 2.1A đôi 3032USB_WE	48/480	NEW 473.000

Ổ TV, mạng, điện thoại dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Ổ cắm angten TV 3031TV75MS_G19	12/60/600	88.000
Ổ cắm điện thoại 3031RJ64M_G19	12/60/600	79.200
Ổ cắm mạng cat5e 3031RJ88SMA5_G19	12/48/480	176.000

Phụ kiện dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt 3031V400FM_K_WE	12/48	396.000
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn 500W 3031V500M_K_WE	12/48	330.000
Đèn báo đỏ 3031NRD_G19	12/60/600	68.200
Đèn báo xanh 3031NGN_G19	12/60/600	68.200

Thiết bị dành cho khách sạn dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ ổ cắm dao cạo râu A3727_WE	1/20	1.320.000
Công tắc thẻ A3031EKT_WE	8/80	847.000
Đèn báo "Không làm phiền" 3031NDM_RD_G19	12/60	209.000
Đèn báo "Xin dọn phòng" 3031NPM_GN_G19	12/60	209.000
Công tắc nhấn "Không làm phiền", "Xin dọn phòng" 3039M_G19	12/60	286.000

Chuông điện và nút nhấn

Bộ chuông cửa cao cấp

- Nút nhấn có đèn LED định vị sang trọng

Chuông điện 99AC220	308.000
Nút nhấn chuông IP44, màu xám A3031WBP_GY_G19	264.000
Nút nhấn chuông IP44, màu trắng A3031WBP_WE_G19	264.000

Giá trên đã bao gồm VAT

Mặt cho dòng S-Flexi

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Mặt cho 1 thiết bị, size S FG1051_WE	10/100	16.500
Mặt cho 2 thiết bị, size S FG1052_WE	10/100	16.500
Mặt cho 3 thiết bị, size S FG1053_WE	10/100	16.500
Mặt cho 4 thiết bị, size S FST1054H_WE_G19	15/150	39.600
Mặt cho 6 thiết bị, size S FST1058H_WE_G19	10/100	39.600
Mặt cho 1 thiết bị, size M FG1050_WE	10/100	16.500
Nút che trơn có lỗ trống, size M F50XM2_WE	10/100	12.100
Lõi che cầu dao an toàn (Dùng với FG1053_WE) FG1051SB_WE_G19	40/400	15.400
Mặt cho MCB 1 cực FG1051MCB_WE_G19	10/100	19.800
Mặt cho MCB 2 cực FG1052MCB_WE_G19	10/100	19.800

Công tắc dòng S-Flexi

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
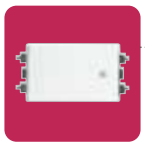 Công tắc 1 chiều 16AX, size S F50M1_5_WE	36/360	16.500
Công tắc 2 chiều 16AX, size S F50_2M1_5_WE	36/360	44.000
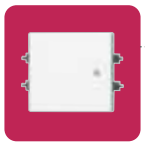 Công tắc 1 chiều 16AX, size M F50M2_WE	20/200	33.000
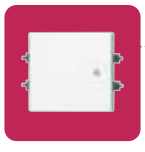 Công tắc 2 chiều 16AX, size M F50_2M2_WE	20/200	45.100
Công tắc 1 chiều 16AX, size L F50M4_WE	36/360	39.600
Công tắc 2 chiều 16AX, size L F50_2M4_WE	36/360	49.500
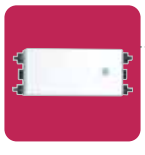 Công tắc 1 chiều 16AX, size XS F50M1_WE	40/400	24.200
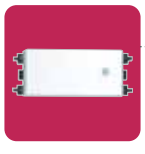 Công tắc 2 chiều 16AX, size XS F50_2M1_WE	40/400	36.300
Nút nhấn chuông 10A, size L F50BPM4_WE	12/120	57.200
Nút che trơn, size XS F50XM1_WE	55/550	12.100

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ cắm dòng S-Flexi

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Ổ cắm đơn 2 chấu 10A, size S F30426USM_WE_G19	30/300	30.800
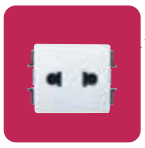 Ổ cắm đơn 2 chấu 10A, size M F1426USM_WE_G19	32/320	66.000
Ổ cắm đơn 3 chấu 16A, size M F1426UESM_WE_G19	32/320	88.000
Ổ cắm đơn đa năng 13A, size M F1426UAM_WE	32/320	88.000
Ổ cắm đôi 3 chấu 16A, size L F1426UEST2M_G19	32/320	88.000

Ổ TV, mạng, điện thoại dòng S-Flexi

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Ổ cắm TV, size S F30TVSM_WE_G19	30/300	66.000
Ổ điện thoại, size S F30R4M_WE_G19	30/300	79.200
Ổ cắm mạng cat5e, size S F30RJ5EM_WE_G19	30/300	165.000
Ổ cắm TV, size M F50TVM_WE_G19	40/400	68.200
Ổ điện thoại, size M F50RJ4M_WE_G19	32/320	103.400
Ổ cắm mạng cat5e, size M F50RJ5EM_WE_G19	24/240	191.400
Ổ cắm mạng cat6, size M F50RJ8M6_WE_G19	24/240	220.000

Phụ kiện dòng S-Flexi

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Công tắc điều chỉnh tốc quạt 250W, size M F50FC250M_WE	16/160	231.000
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn 400W, size M F50RD400M_WE	16/160	198.000
Đèn báo đỏ, size S F30NM2_RD_G19	30/300	62.700

Phích cắm

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Phích cắm 2 chấu, 10A U418T2_C5	18/360	66.000
Phích cắm 3 chấu, 16A U418T_WE	10/200	81.400
Phích cắm 3 chấu, 13A, kiểu Anh EP13_G19	20/200	176.000
Phích cắm 3 chấu, 15A, kiểu Anh EP15_WE_G19	20/200	209.000

Ổ âm sàn

Ổ âm sàn chưa kèm thiết bị

Ổ cắm âm sàn cho S-Flexi có đế âm, màu nhũ bạc E224F_ABE	1.320.000
Ổ cắm âm sàn cho S-Flexi có đế âm, màu nhũ vàng E224F_BAS	1.661.000
Ổ cắm âm sàn cho Concept có đế âm, màu nhũ bạc CON224_ABE_G5	1.320.000
Đế sắt cho ổ âm sàn, 100x100x55mm M224B	79.200
Đế sắt cho ổ âm sàn, 100x100x65mm M224DB	132.000

Giá trên đã bao gồm VAT

Mặt cho dòng S-Classic

Mặt cho 1 thiết bị — Đóng gói 30/300 — Đơn giá (VNĐ) 25.300
31AVH_G19

Mặt cho 2 thiết bị — Đóng gói 30/300 — Đơn giá (VNĐ) 25.300
32AVH_G19

Mặt cho 3 thiết bị — Đóng gói 30/300 — Đơn giá (VNĐ) 25.300
33AVH_G19

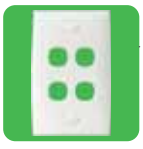

Mặt cho 4 thiết bị — Đóng gói 30/300 — Đơn giá (VNĐ) 44.000
34AVH_G19

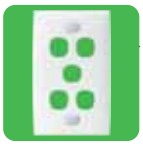

Mặt cho 5 thiết bị — Đóng gói 30/300 — Đơn giá (VNĐ) 44.000
35AVH_G19

Mặt cho 6 thiết bị — Đóng gói 30/300 — Đơn giá (VNĐ) 44.000
36AVH_G19

Mặt che trơn — Đóng gói 30/300 — Đơn giá (VNĐ) 44.000
31AVX_G19

Mặt cho cầu dao an toàn — Đóng gói 20/200 — Đơn giá (VNĐ) 44.000
31AVMCB_G19

Mặt cho MCB 1 cực — Đóng gói 30/300 — Đơn giá (VNĐ) 44.000
31AVMCB1_G19

Mặt cho MCB 2 cực — Đóng gói 30/300 — Đơn giá (VNĐ) 44.000
31AVMCB2_G19

Ổ cắm dòng S-Classic

Bộ ổ cắm đơn 2 chấu 16A — Đóng gói 15/150 — Đơn giá (VNĐ) 66.000
E426UST_G19

Bộ ổ cắm đôi 2 chấu 16A — Đóng gói 15/150 — Đơn giá (VNĐ) 110.000
E426UST2CB_G19

Bộ ổ cắm đơn 2 chấu 16A và 1 lỗ trống — Đóng gói 20/200 — Đơn giá (VNĐ) 99.000
E426UX_G19

Bộ ổ cắm đơn 2 chấu 16A và 2 lỗ trống — Đóng gói 20/200 — Đơn giá (VNĐ) 99.000
E426UXX_G19

Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 16A — Đóng gói 15/150 — Đơn giá (VNĐ) 121.000
E426UEST_G19

Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A — Đóng gói 15/150 — Đơn giá (VNĐ) 154.000
E426UEST2_T_G19

Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 16A và 1 lỗ trống — Đóng gói 20/200 — Đơn giá (VNĐ) 132.000
E426UEX_G19

Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A có công tắc — Đóng gói 20/200 — Đơn giá (VNĐ) 198.000
E25UES_G19

Ổ TV, mạng, điện thoại dòng S-Classic

Ổ cắm angten TV — Đóng gói 20/100/1000 — Đơn giá (VNĐ) 77.000
30TV75MS_G19

Ổ điện thoại — Đóng gói 20/400 — Đơn giá (VNĐ) 121.000
DCV30MNUWT

Ổ cắm mạng cat5e — Đóng gói 20/400 — Đơn giá (VNĐ) 137.500
VDIB17355UWE

Giá trên đã bao gồm VAT

Công tắc dòng S-Classic

Công tắc 1 chiều 10A — Đóng gói: 20/100/1000
E30_1M_D_G19 — Đơn giá (VNĐ): 22.000

Công tắc 2 chiều — Đóng gói: 20/100/1000
30M_G19 — Đơn giá (VNĐ): 45.100

Công tắc đơn 2 cực 20A — Đóng gói: 10/160/320
30MD20_WE_G19 — Đơn giá (VNĐ): 154.000

Công tắc chuông 3A, có biểu tượng chuông — Đóng gói: 20/100/1000
30MBP2_3J_G19 — Đơn giá (VNĐ): 77.000

Phụ kiện dòng S-Classic

Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt 400W, không có chức năng ON/OFF — Đóng gói
32V400FM_K_WE — Đơn giá (VNĐ): 286.000

Công tắc điều chỉnh ánh sáng đèn 500W, không có chức năng ON/OFF
32V500M_K_WE — 264.000

Đèn báo đỏ — Đóng gói: 32/160/1600
E32NRD_G19 — Đơn giá (VNĐ): 50.600

Thiết bị dành cho khách sạn dòng S-Classic

Bộ ổ cắm dao cạo râu — Đóng gói: 1/20
E727_WE — Đơn giá (VNĐ): 1.408.000

Công tắc chìa khóa thẻ 20A — 5/50
E31KT_WE_C5 — 495.000

Mặt che phòng thấm nước

Mặt che phòng thấm nước cho mặt sê ri 30 — Đóng gói: 6/120
223V — Đơn giá (VNĐ): 341.000

Mặt che phòng thấm nước cho dòng S-Flexi (không đế)
F3223HR_WE_G19 — 253.000

Mặt che phòng thấm nước cho dòng S-Flexi, màu trắng (có đế)
F3223HSMR_WE_G19 — 396.000

Mặt che phòng thấm nước cho dòng Concept (không đế)
A3223HR — 319.000

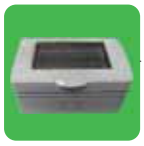

Mặt che phòng thấm nước cho dòng Concept, màu trắng (có đế)
A3223HSMR_G19 — 440.000

Mặt che (không đế) phòng thấm nước mặt đơn cho ổ cắm, loại 1 gang, IP55
E223R_TR — 440.000

Mặt che (không đế) phòng thấm nước mặt đôi cho ổ cắm, loại 2 gang, IP55
ET223R_TR — 462.000

Mặt che (không đế) phòng thấm nước mặt đơn cho công tắc, loại 1 gang, IP55
E223M_TR — 440.000

Đế âm, đế nổi, hộp nổi

Đế âm đơn kim loại, 101x51x38mm — Đơn giá (VNĐ)
157 — 35.200

Hộp nổi dùng cho mặt sê-ri 30
CK237 — 30.800

Hộp nổi, 4"x4"x2"
DS036_WE — 44.000

Hộp nổi, 6"x6"x3"
DS039_WE — 121.000

Giá trên đã bao gồm VAT

Mặt cho dòng E30

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Mặt cho 1 thiết bị E31_WE	20/400	44.000
Mặt cho 2 thiết bị E32_WE	20/400	44.000
Mặt cho 3 thiết bị E33_WE	20/400	44.000
Mặt che trơn E31X_WE	20/400 □	55.000

Ổ cắm dòng E30

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 13A có công tắc, kiểu Anh E15R_WE_G19	10/100	154.000
Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 13A có công tắc, kiểu Anh E25R_WE_G19	5/50	429.000
Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 13A có công tắc đèn báo, kiểu Anh E25N_WE_G19	5/50	506.000
Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 15A, kiểu Anh E426_15_WE_G19	10/100	136.400
Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 15A có công tắc, kiểu Anh E15_15R_WE_G19	10/100	212.300
Ổ cắm Schuko 16A E426_16_WE_G19	10/100	187.000

Công tắc mặt kim loại

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ công tắc đơn 1 chiều 10A, mặt kim loại ESM31_1_2AR_G19	5/50	319.000
Bộ công tắc đôi 1 chiều 10A, mặt kim loại ESM32_1_2AR_G19	5/50	418.000
Bộ công tắc ba 1 chiều 10A, mặt kim loại ESM33_1_2AR_G19	5/50	528.000
Bộ công tắc bốn 1 chiều 10A, mặt kim loại ESM34_1_2AR_G19	5/50	561.000
Bộ công tắc đơn 2 chiều 10A, mặt kim loại ESM31_2_3A_G19	5/50	363.000
Bộ công tắc đôi 2 chiều 10A, mặt kim loại ESM32_2_3A_G19	5/50	462.000

Ổ cắm mặt kim loại

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 13A có công tắc, mặt kim loại ESM15_G19	5/50	418.000
Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 13A có công tắc, mặt kim loại ESM25_G19	5/50	770.000

Giá trên đã bao gồm VAT

Giải pháp an toàn, tiết kiệm năng lượng cho tòa nhà thương mại, khu dân cư...

Bộ hẹn giờ công tắc đồng hồ CCT15101

Bộ hẹn giờ công tắc đồng hồ CCT15101 có thể lắp trên tường hoặc thanh ray chuẩn DIN, cho phép bạn dễ dàng cài đặt thời gian 24 giờ, cho nhiều ứng dụng khác nhau:

- Quản lý chiếu sáng khu vực lối đi và ngoài trời.
- Quản lý chiếu sáng theo các tình huống trong ngày.
- Quản lý chiếu sáng quảng cáo cho cửa hàng kinh doanh.
- Quản lý chiếu sáng sân vườn.
- Lập trình bơm nước cho hồ bơi, tưới tiêu...

Thông số kỹ thuật - Bộ hẹn giờ công tắc thời gian CCT15101	
Điện áp hoạt động: 220 - 240 VAC	Pin dự trữ (tự sạc): 24H
Tần số hoạt động: 50 / 60 Hz	Độ chính xác: + / - 1s / ngày
Dòng điện định mức: 16A	Chu kỳ đếm thời gian: 24 giờ
Nhiệt độ làm việc: 0 - 45°C	Thời gian cài đặt tối thiểu: 15 phút / chu kỳ
Cấp độ bảo vệ: IP30	Tương thích với tải LED
Tiêu chuẩn: IEC 60730 - 2 - 7	Khoảng cách 50cm không nghe âm thanh đồng hồ hoạt động
Kích thước (DxRxH): 71.8x71.8x50.65mm	

Bộ hẹn giờ công tắc đồng hồ CCT15101 dễ dàng lắp đặt và sử dụng.

Tính năng

- Thiết kế hiện đại, dễ dàng mang vác và cuộn dây
- Đèn LED hiển thị nguồn điện ON/OFF
- An toàn với chức năng bảo vệ quá tải
- Kẹp cố định phích cắm giúp chống xoắn dây
- Dây cáp sử dụng chất liệu HO7 RNF cao cấp
- Tuân theo tiêu chuẩn NF EN 61242.
- An toàn, đáng tin cậy cho tất cả các nhu cầu sử dụng tại nhà hay công trình.

Dây cáp mạng, modular Jack

DCECAUTP4P3X Cáp mạng Cat5e, thùng 305m	3.921.500
DC6CAUTP4P3X Cáp mạng Cat6, thùng 305m	5.317.400
DCEPCURJ02BLM Dây nhảy 2m, Cat5e, màu xanh dương	117.700
DCEPCURJ03BLM Dây nhảy 3m, Cat5e, màu xanh dương	156.200
DCEPCURJ05BLM Dây nhảy 5m, Cat5e, màu xanh dương	198.000
DC6PCURJ02BLM Dây nhảy 2m, Cat6, màu xanh dương	156.200
DC6PCURJ03BLM Dây nhảy 3m, Cat6, màu xanh dương	179.300
DC6PCURJ05BLM Dây nhảy 5m, Cat6, màu xanh dương	245.300
DCEKYSTUWT Modular Jack RJ45, loại keystone Cat5e UTP, màu trắng	147.400
DC6KYSTUWT Modular Jack RJ45, loại keystone Cat6 UTP, màu trắng	167.200

Bộ hẹn giờ 24H

15336 Hẹn giờ 24h, 1 kênh 16A, pin dự trữ 100h	2.849.000
CCT15365 Hẹn giờ 24h, 1 kênh 16A, pin dự trữ 200h	3.256.000
CCT15101 NEW Bộ hẹn giờ analog 24h, 1 kênh, 16A, pin dự trữ 24H (pin tự sạc)	968.000

Cảm biến hồng ngoại

	Đơn giá (VNĐ)
Cảm biến hồng ngoại, 1 kênh, 2000W, 360 độ	
SAE_UE_MS_CSAWE	1.551.000
Cảm biến hồng ngoại 1 kênh, 1000W, 360 độ, mini	
CCT56P001	1.592.800
Cảm biến hồng ngoại 2 kênh 1000W, 360 độ, mini	
CCT570003	1.853.500
Cảm biến hồng ngoại 1 kênh 1000W, 360 độ, mini	
CCT570005	1.853.500
Cảm biến hồng ngoại 1000W, 120 độ, ngoài trời	
CCT56P004	2.189.000
Cảm biến hồng ngoại & siêu âm, 1 kênh, 2000W	
CCT551011	4.944.500
Điều khiển từ xa dùng cho lập trình cho CCT551011	
CCT556011	968.000

Ổ cắm kéo dài 15 mét

Mã hàng	IP	Tiết diện dây (mm)	Đơn giá (VNĐ)
IMT33135	20	1.0	2.134.000
IMT33136	44	1.5	2.596.000
IMT33137	20	1.5	2.420.000

Ổ cắm kéo dài 20 mét

Mã hàng	IP	Tiết diện dây (mm)	Đơn giá (VNĐ)
IMT33140	20	1.5	3.058.000

Ổ cắm kéo dài 25 mét

Mã hàng	IP	Tiết diện dây (mm)	Đơn giá (VNĐ)
IMT33147	44	1.5	5.797.000
IMT33148	44	2.5	6.919.000

Ổ cắm kéo dài 40 mét

Mã hàng	IP	Tiết diện dây (mm)	Đơn giá (VNĐ)
IMT33158	44	1.5	7.073.000

Twilight switch - Cảm biến độ sáng

	Đơn giá (VNĐ)
Cảm biến độ sáng 2-2000lux gắn tủ điện, tải 16A	
CCT15285	4.932.400
Cảm biến độ sáng 2-2000lux gắn tường, tải 16A	
CCT15369	6.395.400
Cảm biến độ sáng 3-2000lux gắn tường, tải 10A	
MTN544829	3.424.300

Giá trên đã bao gồm VAT

THIẾT BỊ ỔN ÁP (AVR) & Ổ CẮM CHỐNG SÉT

Thiết bị ổn áp (AVR)

Biến động điện áp có thể làm đèn nhấp nháy, các thiết bị điện bị sụt nguồn. Đôi khi, biến động điện áp không quan sát được bằng mắt thường nhưng vẫn làm các thiết bị điện hoạt động không hiệu quả hoặc giảm tuổi thọ của thiết bị.
Bộ điều chỉnh điện áp tự động AVR (ổn áp) của APC giúp bạn giải quyết các vấn đề này.

Công dụng:

- Tự động điều chỉnh lên hoặc xuống điện áp phù hợp các thiết bị điện, điện tử
- Nâng cao tuổi thọ thiết bị
- Bảo vệ sốc điện

Ứng dụng:

- Dân dụng: bảo vệ thiết bị điện, điện tử trong gia đình: ti vi, tủ lạnh, thiết bị giải trí, vv..
- Văn phòng: máy tính, máy in, máy photocopy, máy chủ, vv..

Mã hàng	Mô tả	Đơn giá
LSW500-IND	Ổn áp APC 500VA/250W; 3 ngõ ra; điện áp 230V	562.000
LSW800-IND	Ổn áp APC 800VA/400W; 3 ngõ ra; điện áp 230V	602.000
LSW1200-IND	Ổn áp APC 1200VA/600W; 3 ngõ ra; điện áp 230V	762.000
LSW2000-IND	Ổn áp APC 2000VA/1000W; 3 ngõ ra; điện áp 230V	1.245.000

Ổ cắm kéo dài chống sét lan truyền (surge protector)

Sét và xung điện có thể làm hư hỏng các thiết bị điện tử, mất dữ liệu và giảm tuổi thọ của thiết bị. Ổ cắm chống sét lan truyền sẽ bảo vệ thiết bị điện tử gia dụng và văn phòng của bạn tránh khỏi mối de dọa do nhiễu loạn điện gây ra.

	Mã hàng & mô tả	Đơn giá (VNĐ)
	1 ổ cắm PM1W-VN	276.000
	5 ổ cắm; 3 mét PM53-VN	760.000
	6 ổ cắm; 3 mét PM63-VN	1.000.000

	Mã hàng & mô tả	Đơn giá (VNĐ)
	1 ổ cắm; 2 cổng sạc USB 2.4A PM1WU2-VN	518.000
	5 ổ cắm; 3 mét; 2 cổng sạc USB; 2.4A PM53U2-VN	1.105.000
	6 ổ cắm; 3 mét; 2 cổng sạc USB; 2.4A PM63U2-VN	1.346.000

- Ổ cắm đầu ra chống xung điện
- Màng chắn ngăn ngừa trẻ em
- Đèn led hiển thị báo quá tải và tiếp đất
- Dây nguồn 3m xoay 180°C
- Khả năng chống xung sét 1836 Joules
- Tích hợp cổng sạc USB

Phích Cắm Di Động - Plug

Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
IP44	2P+E 230V	16A	PKE16M423	159.500
		32A	PKE32M423	293.700
	3P+E 400V	16A	PKE16M434	192.500
		32A	PKE32M434	337.700
	4P+E 400V	16A	PKE16M435	228.800
		32A	PKE32M435	346.500

Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
IP67	2P+E 230V	16A	PKE16M723	408.100
		32A	PKE32M723	546.700
		63A	81378	1.205.600
		125A	81390	2.802.800
	3P+E 400V	16A	PKE16M734	467.500
		32A	PKE32M734	584.100
		63A	81382	1.273.800
		125A	81394	2.894.100
	4P+E 400V	16A	PKE16M735	499.400
		32A	PKE32M735	635.800
		63A	81383	1.480.600
		125A	81395	2.966.700

Ổ Nối Di Động - Connectors

Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
IP44	2P+E 230V	16A	PKF16M423	216.700
		32A	PKF32M423	324.500
	3P+E 400V	16A	PKF16M434	246.400
		32A	PKF32M434	387.200
	4P+E 400V	16A	PKF16M435	287.100
		32A	PKF32M435	482.900

Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
IP67	2P+E 230V	16A	PKF16M723	427.900
		32A	PKF32M723	603.900
		63A	81478	1.351.900
		125A	81490	3.622.300
	3P+E 400V	16A	PKF16M734	479.600
		32A	PKF32M734	653.400
		63A	81482	1.504.800
		125A	81494	3.965.500
	4P+E 400V	16A	PKF16M735	557.700
		32A	PKF32M735	711.700
		63A	81483	1.695.100
		125A	81495	4.151.400

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ Cắm Âm Dạng Thẳng
Straight Panel Mounted Socket

	Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16G423	215.600
			32A	PKF32G423	328.900
		3P+E 400V	16A	PKF16G434	240.900
			32A	PKF32G434	348.700
		4P+E 400V	16A	PKF16G435	262.900
			32A	PKF32G435	399.300
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16G723	455.400
			32A	PKF32G723	591.800
			63A	81678	1.137.400
			125A	81690	2.813.800
		3P+E 400V	16A	PKF16G734	522.500
			32A	PKF32G734	633.600
			63A	81682	1.292.500
			125A	81694	2.930.400
		4P+E 400V	16A	PKF16G735	598.400
			32A	PKF32G735	674.300
			63A	81683	1.322.200
			125A	81695	3.326.400

Ổ Cắm Âm Dạng Nghiêng
Angle Panel Mounted Socket

	Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16F423	215.600
			32A	PKF32F423	328.900
		3P+E 400V	16A	PKF16F434	240.900
			32A	PKF32F434	348.700
		4P+E 400V	16A	PKF16F435	262.900
			32A	PKF32F435	399.300
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16F723	455.400
			32A	PKF32F723	591.800
			63A	81278	1.137.400
			125A	81290	2.813.800
		3P+E 400V	16A	PKF16F734	522.500
			32A	PKF32F734	633.600
			63A	81282	1.292.500
			125A	81294	2.930.400
		4P+E 400V	16A	PKF16F735	598.400
			32A	PKF32F735	674.300
			63A	81283	1.322.200
			125A	81295	3.326.400

Ổ Cắm Nổi
- Wall Mounted Socket

	Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16W423	293.700
			32A	PKF32W423	482.900
		3P+E 400V	16A	PKF16W434	367.400
			32A	PKF32W434	534.600
		4P+E 400V	16A	PKF16W435	381.700
			32A	PKF32W435	529.100
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16W723	587.400
			32A	PKF32W723	787.600
			63A	81178	1.717.100
			125A	81190	4.414.300
		3P+E 400V	16A	PKF16W734	650.100
			32A	PKF32W734	810.700
			63A	81182	1.779.800
			125A	81194	4.624.400
		4P+E 400V	16A	PKF16W735	752.400
			32A	PKF32W735	957.000
			63A	81183	2.062.500
			125A	81195	4.747.600

Ổ Nối Nhiều Ngả
- Multi Adapter

	Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKZM403	1.584.000
	IP67	2P+E 230V	16A	PKZM703	1.862.300
	IP44	2P+E 230V	16A	PKZM409	1.932.700
	IP67	2P+E 230V	16A	PKZM709	2.330.900

Giá trên đã bao gồm VAT

S56P315RPGY

S56SO313GY

S56SW110GY

WHS20_GY

56C315GY

56E1 56E2

Phích Cắm - Plug, IP66

Số cực	Điện áp (V)	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3P	250V	10A	S56P310GY_G15	792.000
		13A	S56P313GY_G15	627.000
		15A	S56P315GY_G15	968.000
		15A	S56P315RPGY_G15	902.000
		20A	S56P320GY_G15	1.067.000
		32A	S56P332GY_G15	1.122.000
4P	500V	20A	S56P420GY_G15	1.232.000
		32A	S56P432GY_G15	1.430.000
		50A	S56P450GY_G15	1.430.000
5P	500V	20A	S56P520GY_G15	1.430.000
		32A	S56P532GY_G15	2.156.000
		40A	S56P540GY_G15	2.156.000

Công Tắc - Switch, IP66

1P	250V	10A	S56SW110GY	704.000
		20A	S56SW120GY	836.000
		32A	S56SW132GY	880.000
2P	500V	20A	S56SW220GY	1.023.000
		32A	S56SW232GY	1.023.000
		50A	S56SW250GY	1.320.000
		63A	S56SW263GY	1.320.000
3P	500V	10A	S56SW310GY	968.000
		16A	S56SW316GY	1.155.000
		20A	S56SW320GY	1.474.000
		32A	S56SW332GY	1.474.000
		50A	S56SW350GY	1.672.000
		63A	S56SW363GY	1.672.000

Hộp Đế - Mounting Enclosure, IP66

101x101x38	S56ES1GY_G15	154.000
101x198x38	S56ES2GY_G15	187.000
101x101x63	S56E1GY_G15	176.000
101x198x63	S56E2GY_G15	330.000

Ổ Cắm - Surface Socket, IP66

Số cực	Điện áp (V)	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3P	250V	10A	S56SO310GY	682.000
		13A	S56SO313GY	748.000
		15A	S56SO315GY	1.144.000
		15A	S56SO315RPGY	1.386.000
		20A	S56SO320GY	1.276.000
		32A	S56SO332GY	1.419.000
4P	500V	20A	S56SO420GY	1.419.000
		32A	S56SO432GY	1.705.000
		50A	S56SO450GY	1.837.000
5P	500V	20A	S56SO520GY	2.222.000
		32A	S56SO532GY	2.222.000
		40A	S56SO540GY	2.222.000

Ổ Cắm Có Công Tắc - Switched Socket, IP66

3P	250V	10A	S56C310GY	1.353.000
		13A	S56C313GY	1.375.000
		15A	S56C315GY	2.013.000
		15A	S56C315RPGY	1.969.000
		20A	S56C320GY	1.793.000
		32A	S56C332GY	2.596.000
4P	500V	20A	S56C420GY	2.596.000
		32A	S56C432GY	2.596.000
		50A	S56C450GY	3.124.000
5P	500V	20A	S56C520GY	4.675.000
		32A	S56C532GY	4.884.000
		40A	S56C540GY	4.884.000

Ngắt Điện Phòng Thấm Nước - Isolator, IP66

1P	250V	20A	WHS20_GY_G19	968.000
		35A	WHS35_GY_G19	1.034.000
		55A	WHS55_GY_G19	1.001.000
2P	440V	20A	WHD20_GY_G19	1.023.000
		35A	WHD35_GY_G19	1.078.000
		55A	WHD55_GY_G19	1.386.000
		63A	WHD63_GY_G19	1.375.000
3P	440V	20A	WHT20_GY_G19	1.078.000
		35A	WHT35_GY_G19	1.408.000
		55A	WHT55_GY_G19	1.617.000
		63A	WHT63_GY_G19	1.815.000
		80A	WHT80_GY_G19	2.937.000

Giá trên đã bao gồm VAT

Biến hóa tủ điện, sáng tạo phong cách

Tùy biến mặt tủ dễ dàng
Lắp đặt linh hoạt
Đẳng cấp vượt trội

Dễ dàng lắp đặt

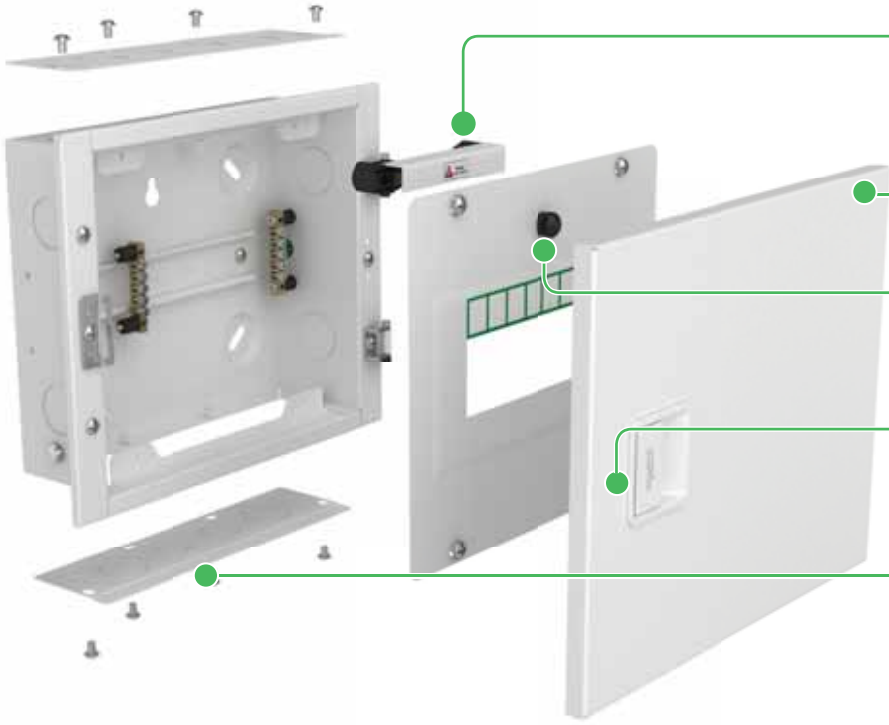

Thanh nối đất có thể gắn phía trên hay gắn phía dưới

Cửa tủ thiết kế phẳng, có thể thay đổi chiều mở cửa

Miếng che trung tâm, cố định thiết bị dễ dàng

Khóa tủ tinh tế

Miếng che có thể tháo rời khi luồn nhiều ống dây

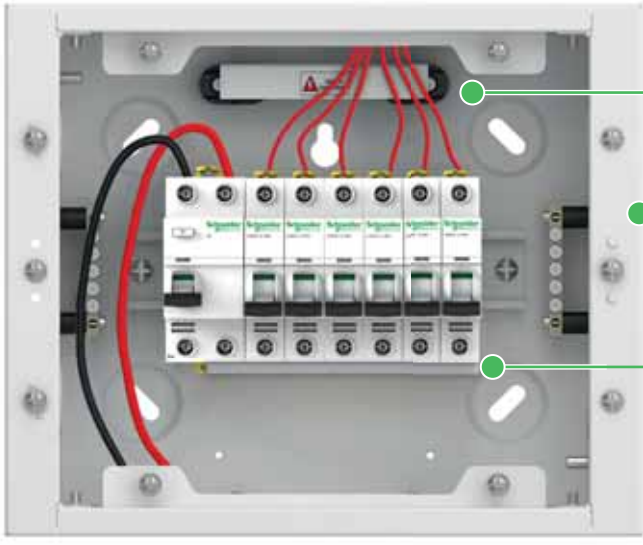

Tối ưu không gian đấu dây

Tấm che ngăn xi măng và bụi khi thi công

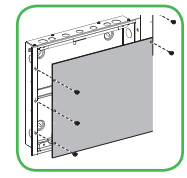

Phụ kiện thanh răng lược

TỦ ĐIỆN DÂN DỤNG

Cấp độ bảo vệ IP40
Cấp độ chống va đập cơ khí IK07
Độ cách ly điện: Cấp 2
Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60695-2-11,
IEC 60439-3, IEC 60529,
EN 50102, IEC 60670-24

Tủ điện nhựa âm tường - Mini Pragma

Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Cửa trắng	Cửa mờ	Đơn giá (VNĐ)
4	150x252x98	MIP22104	MIP22104T	418.000
6	186x252x98	MIP22106	MIP22106T	462.000
8	222x252x98	MIP22108	MIP22108T	539.000
12	294x252x98	MIP22112	MIP22112T	770.000
18	402x252x98	MIP22118	MIP22118T	1.177.000
24	294x377x98	MIP22212	MIP22212T	1.298.000
36	294x502x98	MIP22312	MIP22312T	1.518.000

Tủ điện nhựa nổi - Mini Pragma

Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Cửa trắng	Cửa mờ	Đơn giá (VNĐ)
4	124x198x95	MIP12104	MIP12104T	407.000
6	160x198x95	MIP12106	MIP12106T	451.000
8	196x228x101.5	MIP12108	MIP12108T	539.000
12	268x228x101.5	MIP12112	MIP12112T	726.000
18	376x228x101.5	MIP12118	MIP12118T	1.177.000
24	268x353x102	MIP12212	MIP12212T	1.331.000
36	267x478x102	MIP12312	MIP12312T	1.562.000

Tủ điện nhựa âm tường - Easy9 box

Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4	136x222x92	EZ9E0104	187.000
8	208x222x92	EZ9E0108	330.000
12	280x222x92	EZ9E0112	451.000

Tủ điện kim loại Acti9 NEW

Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4	221x244x98	A9HESN04	660.000
6	257x244x98	A9HESN06	781.000
8	293x244x98	A9HESN08	880.000
12	365x244x98	A9HESN12	1.166.000
16	437x244x98	A9HESN16	1.639.000

Giá trên đã bao gồm VAT

Acti9

Đẳng cấp, tính năng vượt trội.
Tuân theo các yêu cầu RoHS,
tiêu chuẩn REACH. Được thiết kế
với tính năng VisiSafe và VisiTrip

Easy9

Chất lượng, an toàn, giá cạnh tranh.
Được kiểm tra chất lượng bởi các
tổ chức quốc tế.
Đạt chứng chỉ quản lý chất lượng
ISO 9001 và môi trường ISO 14000.

Giải pháp an toàn tuyệt đối cho ngôi nhà của bạn

- Bảo vệ quá tải và ngắn mạch với MCB
- Bảo vệ chống sét lan truyền với SPD
- Bảo vệ dòng rò với RCCB
- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch và dòng rò với RCBO

Easy9

Chất lượng, an toàn, giá cạnh tranh.
Được kiểm tra chất lượng bởi
các tổ chức quốc tế.
Đạt chứng chỉ quản lý chất lượng
ISO 9001 và môi trường ISO 14000.

Cầu dao tự động Easy9 bao gồm các chức năng:

Cách lựa chọn MCB:

Thiết bị	Công suất tiêu thụ	Dòng điện MCB (A)	Đường cong
Máy lạnh	4.7 HP	16	"C"
	7.1 HP	20	
	9.5 HP	20	
	14 HP	25	
Tủ lạnh	165 liters	2	
	285 liters	2	
Máy xay sinh tố	200 W	1	"C"
Máy hút bụi	50 W	0.5	
Máy giặt	300 W	2	"C"
	1.3 KW	10	
Máy photocopy	1.5 KW	10	"C"
Máy nước nóng lạnh	500 W	3	

Easy9 MCB 1P, 4.5kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	EZ9F34106	82.500
10A	EZ9F34110	82.500
16A	EZ9F34116	82.500
20A	EZ9F34120	82.500
25A	EZ9F34125	82.500
32A	EZ9F34132	82.500
40A	EZ9F34140	121.000
50A	EZ9F34150	198.000
63A	EZ9F34163	198.000

Easy9 MCB 2P, 4.5kA, 230V, C curve

6A	EZ9F34206	231.000
10A	EZ9F34210	231.000
16A	EZ9F34216	231.000
20A	EZ9F34220	231.000
25A	EZ9F34225	231.000
32A	EZ9F34232	231.000
40A	EZ9F34240	231.000
50A	EZ9F34250	385.000
63A	EZ9F34263	385.000

Easy9 MCB 3P, 4.5kA, 400V, C curve

6A	EZ9F34306	418.000
10A	EZ9F34310	418.000
16A	EZ9F34316	418.000
20A	EZ9F34320	418.000
25A	EZ9F34325	418.000
32A	EZ9F34332	418.000
40A	EZ9F34340	418.000
50A	EZ9F34350	638.000
63A	EZ9F34363	638.000

Easy9 MCB 4P, 4.5kA, 400V, C curve

40A	EZ9F34440	594.000
50A	EZ9F34450	891.000
63A	EZ9F34463	891.000

Giá trên đã bao gồm VAT

Easy9 RCCB 2P/4P [AC type]

Cầu dao chống rò

Dòng điện	Mã hàng	Mã hàng mới	Đơn giá (VNĐ)
30mA 2P			
25A	EZ9R36225		770.000
40A	EZ9R36240		814.000
63A	EZ9R36263		858.000
30mA 4P			
25A	EZ9R34425	EZ9R36425	1.111.000
40A	EZ9R34440	EZ9R36440	1.188.000
63A	EZ9R34463	EZ9R36463	1.584.000
300mA 4P			
40A	EZ9R64440	EZ9R66440	1.144.000
63A	EZ9R64463	EZ9R66463	1.309.000

Easy9 RCBO 1P+N 4.5kA 30mA [AC type]

Cầu dao bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
10A	EZ9D34610	649.000
16A	EZ9D34616	649.000
20A	EZ9D34620	649.000
25A	EZ9D34625	759.000
32A	EZ9D34632	759.000
40A	EZ9D34640	759.000

Easy9 SPD Chống sét lan truyền - Loại 2

Dòng điện	Imax (8/20μs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1P+N	20kA	EZ9L33620	869.000
3P+N	20kA	EZ9L33720	1.496.000
3P+N	45kA	EZ9L33745	1.551.000

Lựa chọn MCB phối hợp với SPD

Mã hàng
EZ9F34216
EZ9F34440
EZ9F34440

Giá trên đã bao gồm VAT

Cách lựa chọn SPD

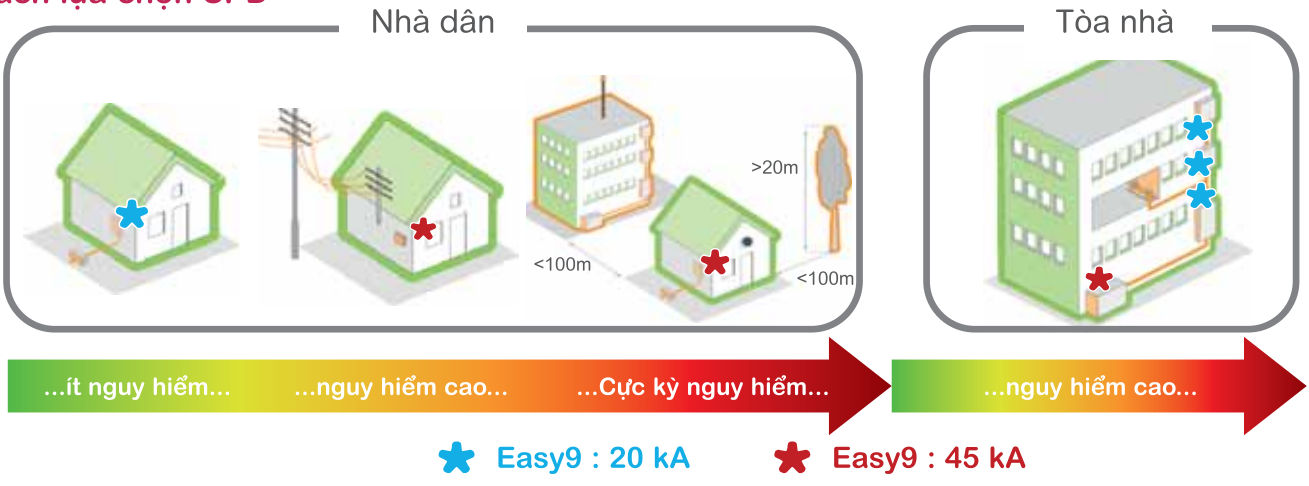

Cách lắp đặt SPD

Mạng điện 1 pha

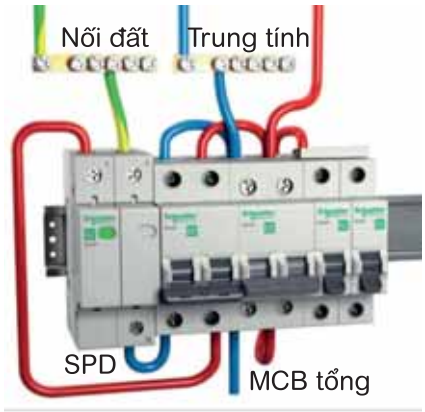

Mạng điện 3 pha

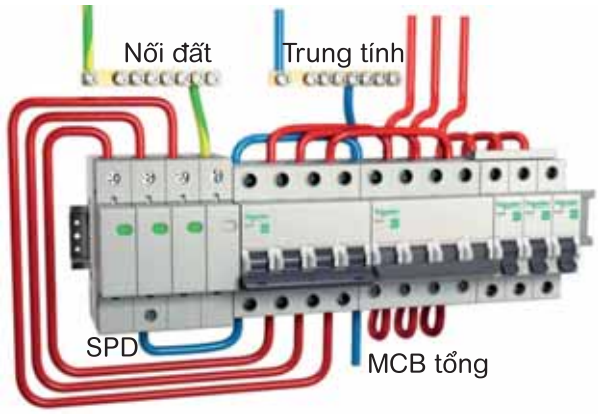

**Dây tiếp địa có tiết diện dây nhỏ nhất 4mm^2.*

Khi khoảng cách từ SPD đến thiết bị bảo vệ >10m nên lắp đặt thêm 1 SPD.

Acti9

Đẳng cấp, tính năng vượt trội

Tính năng VisiTrip với cửa sổ màu đỏ báo hiệu đóng ngắt do sự cố.

Tính năng VisiSafe với dãy màu xanh báo hiệu các tiếp điểm đã mở hoàn toàn

iK60N MCB 1P, 6kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9K27106	157.300
10A	A9K27110	157.300
16A	A9K27116	157.300
20A	A9K27120	157.300
25A	A9K27125	157.300
32A	A9K27132	157.300
40A	A9K24140	193.600
50A	A9K24150	239.800
63A	A9K24163	239.800

iK60N MCB 2P, 6kA, 230V, C curve

6A	A9K27206	440.000
10A	A9K27210	440.000
16A	A9K27216	440.000
20A	A9K27220	440.000
25A	A9K27225	440.000
32A	A9K27232	440.000
40A	A9K24240	528.000
50A	A9K24250	737.000
63A	A9K24263	737.000

iK60N MCB 3P, 6kA, 400V, C curve

6A	A9K24306	715.000
10A	A9K24310	715.000
16A	A9K24316	715.000
20A	A9K24320	715.000
25A	A9K24325	715.000
32A	A9K24332	715.000
40A	A9K24340	836.000
50A	A9K24350	1.034.000
63A	A9K24363	1.034.000

iK60N MCB 4P, 6kA, 400V, C curve

6A	A9K24406	1.111.000
10A	A9K24410	1.111.000
16A	A9K24416	1.111.000
20A	A9K24420	1.111.000
25A	A9K24425	1.111.000
32A	A9K24432	1.111.000
40A	A9K24440	1.540.000
50A	A9K24450	1.540.000
63A	A9K24463	1.540.000

iC60N MCB 1P, 6kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F74106	187.000
10A	A9F74110	187.000
16A	A9F74116	187.000
20A	A9F74120	187.000
25A	A9F74125	187.000
32A	A9F74132	198.000
40A	A9F74140	231.000
50A	A9F74150	319.000
63A	A9F74163	319.000

iC60N MCB 2P, 6kA, 230V, C curve

6A	A9F74206	517.000
10A	A9F74210	517.000
16A	A9F74216	517.000
20A	A9F74220	528.000
25A	A9F74225	550.000
32A	A9F74232	583.000
40A	A9F74240	660.000
50A	A9F74250	924.000
63A	A9F74263	946.000

iC60N MCB 3P, 6kA, 400V, C curve

6A	A9F74306	781.000
10A	A9F74310	781.000
16A	A9F74316	781.000
20A	A9F74320	781.000
25A	A9F74325	781.000
32A	A9F74332	825.000
40A	A9F74340	946.000
50A	A9F74350	1.331.000
63A	A9F74363	1.331.000

iC60N MCB 4P, 6kA, 400V, C curve

6A	A9F74406	1.144.000
10A	A9F74410	1.144.000
16A	A9F74416	1.144.000
20A	A9F74420	1.199.000
25A	A9F74425	1.254.000
32A	A9F74432	1.331.000
40A	A9F74440	1.595.000
50A	A9F74450	2.057.000
63A	A9F74463	2.057.000

Giá trên đã bao gồm VAT

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI 9 – MCB iC60H & iC60L

• Dùng trong mạng lưới dân dụng hoặc công nghiệp.
• Tiêu chuẩn IEC 60898, IEC 60947-2
• Điện áp thử nghiệm xung (Uimp) : 6kV
• Đường cong loại C (Đường cong loại B, D xin liên hệ)

Tiêu chuẩn		IEC 947-2						IEC 898	
	1P	100 to 133V		220 to 240V		-		230V	
	2,3,4P	220 to 240V		380 to 415V		440V		400V	
MCB		iC60H	iC60L	iC60H	iC60L	iC60H	iC60L	iC60H	iC60L
Dòng điện	0.5 to 4A	70kA	100kA	70kA	100kA	50kA	70kA	10kA	15kA
	6 to 25A	30kA	-	15kA	25kA	10kA	20kA	10kA	15kA
	32/40A	30kA	-	15kA	20kA	10kA	15kA	10kA	15kA
	50/63A	-		15kA	15kA	10kA	10kA	10kA	15kA

iC60H, 1P, 10kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F84106	330.000
10A	A9F84110	319.000
16A	A9F84116	319.000
20A	A9F84120	341.000
25A	A9F84125	352.000
32A	A9F84132	374.000
40A	A9F84140	429.000
50A	A9F84150	528.000
63A	A9F84163	616.000

iC60L, 1P, 15kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F94106	506.000
10A	A9F94110	506.000
16A	A9F94116	506.000
20A	A9F94120	528.000
25A	A9F94125	550.000
32A	A9F94132	594.000
40A	A9F94140	682.000
50A	A9F94150	836.000
63A	A9F94163	957.000

iC60H, 2P, 10kA, 230V, C curve

6A	A9F84206	1.155.000
10A	A9F84210	1.155.000
16A	A9F84216	1.155.000
20A	A9F84220	1.155.000
25A	A9F84225	1.254.000
32A	A9F84232	1.309.000
40A	A9F84240	1.485.000
50A	A9F84250	1.859.000
63A	A9F84263	2.013.000

iC60L, 2P, 15kA, 230V, C curve

6A	A9F94206	1.353.000
10A	A9F94210	1.353.000
16A	A9F94216	1.353.000
20A	A9F94220	1.375.000
25A	A9F94225	1.441.000
32A	A9F94232	1.496.000
40A	A9F94240	1.683.000
50A	A9F94250	1.925.000
63A	A9F94263	2.079.000

iC60H, 3P, 10kA, 400V, C curve

6A	A9F84306	1.738.000
10A	A9F84310	1.738.000
16A	A9F84316	1.738.000
20A	A9F84320	1.826.000
25A	A9F84325	1.892.000
32A	A9F84332	2.002.000
40A	A9F84340	2.233.000
50A	A9F84350	2.783.000
63A	A9F84363	3.058.000

iC60L, 3P, 15kA, 400V, C curve

6A	A9F94306	1.804.000
10A	A9F94310	1.804.000
16A	A9F94316	1.804.000
20A	A9F94320	1.892.000
25A	A9F94325	1.980.000
32A	A9F94332	2.090.000
40A	A9F94340	2.376.000
50A	A9F94350	2.970.000
63A	A9F94363	3.278.000

iC60H, 4P, 10kA, 400V, C curve

6A	A9F84406	2.475.000
10A	A9F84410	2.475.000
16A	A9F84416	2.475.000
20A	A9F84420	2.629.000
25A	A9F84425	2.750.000
32A	A9F84432	2.871.000
40A	A9F84440	3.267.000
50A	A9F84450	3.828.000
63A	A9F84463	4.114.000

iC60L, 4P, 15kA, 400V, C curve

6A	A9F94406	2.728.000
10A	A9F94410	2.728.000
16A	A9F94416	2.728.000
20A	A9F94420	2.750.000
25A	A9F94425	2.805.000
32A	A9F94432	2.981.000
40A	A9F94440	3.344.000
50A	A9F94450	4.026.000
63A	A9F94463	4.268.000

Giá trên đã bao gồm VAT

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI 9 – MCB C120N & C120H

- Dùng trong mạng lưới dân dụng hoặc công nghiệp.
- Tiêu chuẩn IEC 60898, IEC 60947-2
- Điện áp thử nghiệm xung (Uimp) : 6kV
- Đường cong loại C (Đường cong loại B, D xin liên hệ)

Tiêu chuẩn	Loại	Điện áp (VAC)	C120N Icu(kA)	C120H Icu(kA)
As IEC898	1P	230/240	10	15
	2,3,4P	400/415	10	15
As IEC947-2	1P	220/240	10	15
	2,3,4P	220/240	20	30
		380/415	10	15

C120N, 1P, 10kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63A	A9N18356	1.045.000
80A	A9N18357	1.122.000
100A	A9N18358	1.210.000
125A	A9N18359	1.287.000

C120H, 1P, 15kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63A	A9N18445	1.133.000
80A	A9N18446	1.210.000
100A	A9N18447	1.298.000
125A	A9N18448	1.386.000

C120N, 2P, 10kA, 230V, C curve

63A	A9N18360	2.222.000
80A	A9N18361	2.354.000
100A	A9N18362	2.541.000
125A	A9N18363	2.728.000

C120H, 2P, 15kA, 230V, C curve

63A	A9N18456	2.387.000
80A	A9N18457	2.475.000
100A	A9N18458	2.662.000
125A	A9N18459	2.860.000

C120N, 3P, 10kA, 400V, C curve

63A	A9N18364	3.432.000
80A	A9N18365	3.542.000
100A	A9N18367	3.718.000
125A	A9N18369	3.817.000

C120H, 3P, 15kA, 400V, C curve

63A	A9N18467	3.707.000
80A	A9N18468	3.828.000
100A	A9N18469	4.015.000
125A	A9N18470	4.081.000

C120N, 4P, 10kA, 400V, C curve

63A	A9N18371	4.444.000
80A	A9N18372	4.455.000
100A	A9N18374	4.587.000
125A	A9N18376	4.873.000

C120HL, 4P, 15kA, 400V, C curve

63A	A9N18478	4.763.000
80A	A9N18479	4.818.000
100A	A9N18480	4.961.000
125A	A9N18481	5.269.000

Kích thước (mm)

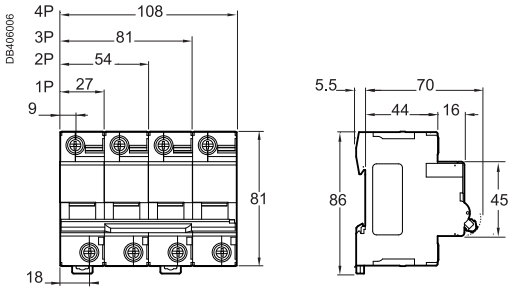

Giá trên đã bao gồm VAT

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI9 – RCCB, RCBO, SPD
THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN ACTI9

iIDK 2P

iID 4P

RCBO 1P+N

Acti9 - RCCB
Cầu dao chống dòng rò

Acti9 - RCBO
Cầu dao bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống dòng rò

iPRF1 - 1P+N

iPRD - 1P

iPF K - 1P+ N

Thiết bị chống sét lan truyền

iID K - 30mA, 240-415 V, AC Type

Số cực	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
2P	25A	A9R50225	1.221.000
2P	40A	A9R50240	1.287.000
4P	25A	A9R50425	1.980.000
4P	40A	A9R50440	2.090.000
4P	63A	A9R70463	3.542.000

iID - 30mA, 240-415V, AC Type

2P	25A	A9R71225	1.474.000
2P	40A	A9R71240	1.551.000
2P	63A	A9R71263	2.651.000
2P	100A	A9R11291	4.367.000
4P	40A	A9R71440	2.497.000
4P	63A	A9R71463	4.246.000

iID - 300mA, 240-415V, AC Type

2P	25A	A9R74225	1.628.000
2P	40A	A9R74240	1.782.000
2P	63A	A9R74263	1.859.000
4P	40A	A9R74440	2.442.000
4P	63A	A9R74463	2.970.000
4P	100A	A9R14491	4.895.000

RCBO - 1P+N, 6kA, 30mA

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9D31606	2.024.000
10A	A9D31610	2.024.000
16A	A9D31616	2.024.000
20A	A9D31620	2.024.000
25A	A9D31625	2.222.000
32A	A9D31632	2.222.000
40A	A9D31640	2.222.000

Thiết bị chống sét lan truyền Acti 9 - iPRF1, loại 1 + 2

Số cực	Iimp (kA) (10/350µs)	Imax (kA) (8/20µs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1P+N	12.5/50 N/PE	50kA	A9L16632	12.353.000
3P	12.5	50kA	A9L16633	18.293.000
3P+N	12.5/50 N/PE	50kA	A9L16634	22.869.000

Thiết bị chống sét lan truyền Acti 9 - iPRD, loại 2, 1P, 1P+N, 3P+N, drawout

Số cực	Imax (kA) (8/20µs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
iPRD loại 2, 1P/1P+N, 230V, Draw-out			
1P	8kA	A9L08100	1.848.000
1P	20kA	A9L20100	1.980.000
1P	40kA	A9L40100	2.112.000
1P	65kA	A9L65101	2.596.000
1P+N	8kA	A9L08500	2.772.000
1P+N	20kA	A9L20500	3.300.000
1P+N	40kA	A9L40500	3.531.000
1P+N	65kA	A9L65501	4.609.000
iPRD loại 2, 3P+N, 400V, Draw-out			
3P+N	20kA	A9L20600	6.589.000
3P+N	40kA	A9L40600	7.579.000
3P+N	65kA	A9L65601	9.163.000

Thiết bị chống sét lan truyền Acti 9 - iPF K, loại 2, 1P, 1P+N & 3P+N, Fixed

Số cực	Imax (kA) (8/20µs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
iPF K loại 2, 1P, 230V, Fixed			
1P	20kA	A9L15691	1.815.000
1P	40kA	A9L15686	1.936.000
iPF K loại 2, 1P+N, 230V, Fixed			
1P+N	20kA	A9L15692	3.025.000
1P+N	40kA	A9L15687	3.234.000
iPF K loại 2, 3P+N, 400V, Fixed			
3P+N	20kA	A9L15693	6.105.000
3P+N	40kA	A9L15688	7.326.000
3P+N	65kA	A9L15586	7.403.000

Giá trên đã bao gồm VAT

KHỞI ĐỘNG TỪ VÀ RƠ LE ĐIỀU KHIỂN ACTI9

iCT 25A 1P

iCT 25A 3P

iTL 2P

Khởi động từ Acti9 iCT

Rơ le điều khiển bằng tín hiệu xung

Contactor iCT, 1P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

Loại	Dòng điện (A)	Số mô-đun 9mm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1NO	25	2	A9C20731	781.000

Contactor iCT, 2P, điện áp cuộn dây 24VAC

2NO	25	2	A9C20132	1.023.000
2NO	63	4	A9C20162	2.464.000

Contactor iCT, 2P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

1NO+1NC	16	2	A9C22715	913.000
2NO	16	2	A9C22712	869.000
2NO	25	2	A9C20732	1.188.000
2NC	25	2	A9C20736	979.000
2NO	40	4	A9C20842	1.430.000
2NO	63	4	A9C20862	2.145.000
2NO	100	6	A9C20882	5.808.000

Contactor iCT, 3P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

Loại	Dòng điện (A)	Width in mod. of 9mm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3NO	25	4	A9C20833	1.078.000
3NO	40	6	A9C20843	1.716.000
3NO	63	6	A9C20863	2.574.000

Contactor iCT, 4P, điện áp cuộn dây 24VAC

4NO	25	4	A9C20134	1.441.000
4NC	25	4	A9C20137	1.650.000
4NO	63	6	A9C20164	3.454.000
4NC	63	6	A9C20167	3.949.000

Contactor iCT, 4P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

4NO	25	4	A9C20834	1.254.000
4NC	25	4	A9C20837	1.430.000
2NO+2NC	25	4	A9C20838	1.342.000
4NO	40	6	A9C20844	1.903.000
4NC	40	6	A9C20847	2.288.000
4NO	63	6	A9C20864	2.860.000
4NC	63	6	A9C20867	3.432.000
2NO+2NC	63	6	A9C20868	3.223.000
4NO	100	12	A9C20884	8.129.000

Phụ kiện của iCT - tấm cách giữa 2 contactor (lotsize: 5 cái)

	Số mô-đun 9mm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1	A9A27062	385.000

Rơ le Acti9 điều khiển bằng tín hiệu xung, iTL, ON-OFF switch

Loại	Dòng điện (A)	Số cực	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1NO	16	1P	A9C30811	462.000
2NO	16	2P	A9C30812	715.000
1NO	32	1P	A9C30831	847.000

Rơ le Acti 9 điều khiển bằng tín hiệu xung, iTLI, changeover switch

Loại	Dòng điện (A)	Số cực	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1NO + 1NC	16	1P	A9C30815	946.000

Mô-đun mở rộng cho Acti 9 iTL và iTLI

	16	2P	A9C32816	1.111.000
	32	1P	A9C32836	847.000

Rơ le Acti 9 điều khiển bằng tín hiệu xung, iTLc/iTLs

iTLc	16	1P	A9C33811	1.166.000
iTLs	16	1P	A9C32811	847.000

Phải sử dụng vách ngăn giữa các contactor khi contactor được sử dụng trong tủ có nhiệt độ từ 50° và 60°C

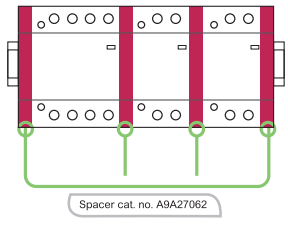

Ứng dụng	Công nghiệp: IEC 60947.4	Dân dụng: IEC 61095
Động cơ	AC3	AC7b
Đốt nóng	AC1	AC7a
Chiếu sáng	AC5a and b	AC5a and b

Giá trên đã bao gồm VAT

Easypact EZC100

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-2, JIS C 8201, NEMA AB1
- Dòng cắt ngắn mạch tại 415V: 7.5, 10, 15, 30kA
- Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
- Dòng điện định mức từ 15 đến 100A

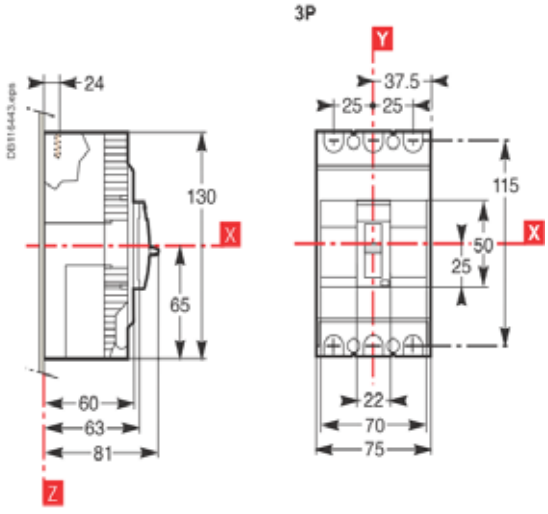

EasyPact EZC100, 3P Type B , Icu=7.5kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100B3015	1.543.300
20A	EZC100B3020	1.543.300
25A	EZC100B3025	1.543.300
30A	EZC100B3030	1.543.300
40A	EZC100B3040	1.543.300
50A	EZC100B3050	1.543.300
60A	EZC100B3060	1.641.200
75A	-	
80A	-	
100A	-	

EasyPact EZC100, 3P, Type F , Icu=10kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100F3015	1.608.200
20A	EZC100F3020	1.608.200
25A	EZC100F3025	1.608.200
30A	EZC100F3030	1.608.200
40A	EZC100F3040	1.608.200
50A	EZC100F3050	1.608.200
60A	EZC100F3060	1.778.700
75A	EZC100F3075	1.778.700
80A	EZC100F3080	1.778.700
100A	EZC100F3100	1.944.800

EasyPact EZC100, 3P, Type N , Icu=15kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100N3015	2.114.200
20A	EZC100N3020	2.114.200
25A	EZC100N3025	2.114.200
30A	EZC100N3030	2.114.200
40A	EZC100N3040	2.114.200
50A	EZC100N3050	2.114.200
60A	EZC100N3060	2.311.100
75A	EZC100N3075	2.311.100
80A	EZC100N3080	2.311.100
100A	EZC100N3100	2.311.100

EasyPact EZC100, 3P, Type H , Icu=30kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100H3015	2.684.000
20A	EZC100H3020	2.684.000
25A	EZC100H3025	2.684.000
30A	EZC100H3030	2.684.000
40A	EZC100H3040	2.684.000
50A	EZC100H3050	2.684.000
60A	EZC100H3060	2.951.300
75A	EZC100H3075	2.951.300
80A	EZC100H3080	2.951.300
100A	EZC100H3100	2.951.300

Giá trên đã bao gồm VAT

Easypact EZC250 & EZC400/630

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-2, JIS C 8201, NEMA AB1
- Dòng cắt ngắn mạch tại 415V: 18, 25, 36, 50kA
- Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
- Dòng điện định mức từ 100-600A

2P, 3P

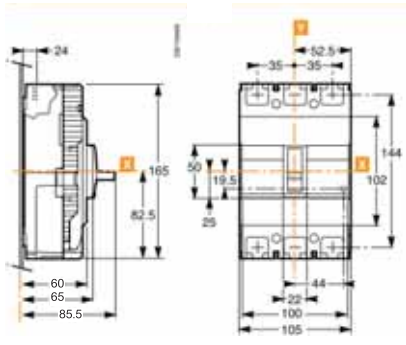

Kích thước EZC250

3P

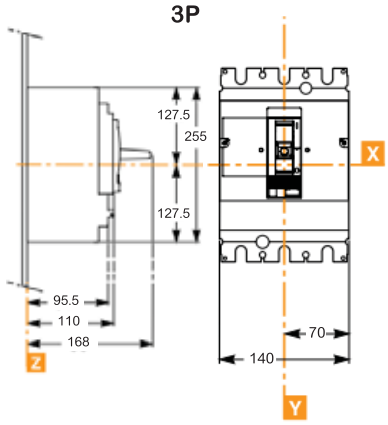

Kích thước EZC400/630

EasyPact EZC250, 3P, Type F , Icu=18kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100A	EZC250F3100	3.580.500
125A	EZC250F3125	3.829.100
150A	EZC250F3150	4.677.200
160A	EZC250F3160	4.677.200
175A	EZC250F3175	4.939.000
200A	EZC250F3200	5.370.200
225A	EZC250F3225	5.370.200
250A	EZC250F3250	5.370.200

EasyPact EZC250, 3P, Type H , Icu=36kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63A	-	
80A	-	
100A	EZC250H3100	3.829.100
125A	EZC250H3125	4.544.100
150A	EZC250H3150	5.571.500
160A	EZC250H3160	5.571.500
175A	EZC250H3175	6.727.600
200A	EZC250H3200	6.727.600
225A	EZC250H3225	6.727.600
250A	EZC250H3250	6.727.600

EasyPact EZC400/630, 3P type N, Icu=36kA/415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
320	EZC400N3320N	8.028.900
350	EZC400N3350N	8.028.900
400	EZC400N3400N	8.028.900
400	EZC630N3400N	9.730.600
500	EZC630N3500N	9.730.600
600	EZC630N3600N	9.730.600

EasyPact EZC400/630, 3P type H, Icu=50kA/415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
320	EZC400H3320N	8.814.300
350	EZC400H3350N	8.814.300
400	EZC400H3400N	8.814.300
400	EZC630H3400N	10.897.700
500	EZC630H3500N	10.897.700
600	EZC630H3600N	10.897.700

EasyPact EZC250, 3P Type N , Icu=25kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100A	EZC250N3100	3.732.300
125A	EZC250N3125	4.204.200
150A	EZC250N3150	5.131.500
160A	EZC250N3160	5.131.500
175A	EZC250N3175	5.324.000
200A	EZC250N3200	6.059.900
225A	EZC250N3225	6.059.900
250A	EZC250N3250	6.059.900

EasyPact EZC250, 4P,Type N , Icu=25kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63A	EZC250N4063	4.837.800
80A	EZC250N4080	4.837.800
100A	EZC250N4100	4.837.800
125A	EZC250N4125	6.069.800
150A	EZC250N4150	7.283.100
160A	EZC250N4160	7.283.100
175A	EZC250N4175	7.891.400
200A	EZC250N4200	8.036.600
225A	EZC250N4225	8.036.600
250A	EZC250N4250	8.036.600

EasyPact EZC400/630, 4P type N, Icu=36kA/415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
320	EZC400N4320N	9.648.100
350	EZC400N4350N	9.648.100
400	EZC400N4400N	10.032.000
400	EZC630N4400N	13.620.200
500	EZC630N4500N	13.620.200
600	EZC630N4600N	13.620.200

EasyPact EZC400/630, 4P type H, Icu=50kA/415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
320	EZC400H4320N	10.323.500
350	EZC400H4350N	10.323.500
400	EZC400H4400N	10.734.900
400	EZC630H4400N	14.573.900
500	EZC630H4500N	14.573.900
600	EZC630H4600N	14.573.900

Giá trên đã bao gồm VAT

Easypact EZCV250

- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò
- Dòng rò có thể chỉnh được: 0.1/0.3/0.5/1A
- Dòng điện định mức từ 63-250A

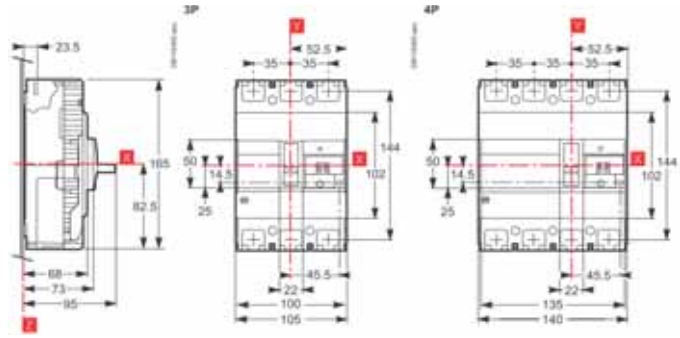

EasyPact EZCV250, 3P type N, Icu=25kA/ 415VAC Độ nhạy chỉnh định từ 0.1 đến 1A

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63	EZCV250N3063	9.031.000
80	EZCV250N3080	9.031.000
100	EZCV250N3100	9.031.000
125	EZCV250N3125	9.454.500
150	EZCV250N3150	11.051.700
160	EZCV250N3160	11.051.700
175	EZCV250N3175	11.973.500
200	EZCV250N3200	13.040.500
225	EZCV250N3225	13.040.500
250	EZCV250N3250	13.040.500

EasyPact EZCV250, 4P type N, Icu=25kA/ 415VAC Độ nhạy chỉnh định từ 0.1 đến 1A

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63	EZCV250N4063	11.554.400
80	EZCV250N4080	11.554.400
100	EZCV250N4100	11.554.400
125	EZCV250N4125	13.358.400
150	EZCV250N4150	15.208.600
160	EZCV250N4160	15.208.600
175	EZCV250N4175	17.639.600
200	EZCV250N4200	19.262.100
225	EZCV250N4225	19.262.100
250	EZCV250N4250	19.262.100

EasyPact EZCV250 , 3P type H Icu=36kA/ 415VAC Độ nhạy chỉnh định từ 0.1 đến 1A

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63	EZCV250H3063	10.047.400
80	EZCV250H3080	10.047.400
100	EZCV250H3100	10.047.400
125	EZCV250H3125	11.693.000
150	EZCV250H3150	13.885.300
160	EZCV250H3160	13.885.300
175	EZCV250H3175	17.162.200
200	EZCV250H3200	17.162.200
225	EZCV250H3225	17.162.200
250	EZCV250H3250	17.162.200

EasyPact EZCV250, 4P type H, Icu=36kA/ 415VAC Độ nhạy chỉnh định từ 0.1 đến 1A

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63	EZCV250H4063	12.560.900
80	EZCV250H4080	12.560.900
100	EZCV250H4100	12.560.900
125	EZCV250H4125	14.614.600
150	EZCV250H4150	16.440.600
160	EZCV250H4160	16.440.600
175	EZCV250H4175	21.382.900
200	EZCV250H4200	21.382.900
225	EZCV250H4225	21.382.900
250	EZCV250H4250	21.382.900

Giá trên đã bao gồm VAT

Easypact CVS100-630A

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 947-2
- Trip unit có thể chỉnh định được từ 0.7 đến 1 (loại từ nhiệt TMD)
- Dòng định mức từ 16A đến 600A
- Ics = 100% Icu
- Dùng chung một số phụ kiện với Compact NSX

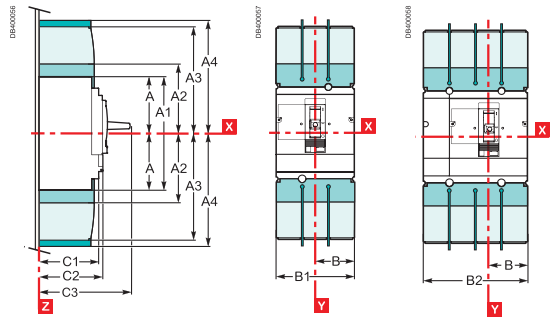

Type	A	A1	A2	A3	A4	B	B1	B2	C1	C2	C3
CVS100/160/250	60.5	161	94	145	178.5	52.5	105	140	81	86	126
CVS400/630	127.5	255	142.5	200	237	70	140	185	95.5	110	168

EasyPact CVS100/250, 3P, Type B, Icu=25kA / 415V

Loại	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100B	16	LV510300	2.851.200
	25	LV510301	2.851.200
	32	LV510302	2.851.200
	40	LV510303	2.851.200
	50	LV510304	2.851.200
	63	LV510305	2.851.200
	80	LV510306	2.880.900
	100	LV510307	2.880.900
CVS160B	125	LV516302	3.644.300
	160	LV516303	4.633.200
CVS250B	200	LV525302	5.410.900
	250	LV525303	6.068.700

EasyPact CVS100/250, 4P, Type B, Icu=25kA / 415V

Loại	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100B	16	LV510310	3.809.300
	25	LV510311	3.809.300
	32	LV510312	3.809.300
	40	LV510313	3.809.300
	50	LV510314	3.809.300
	63	LV510315	3.809.300
	80	LV510316	4.029.300
	100	LV510317	4.029.300
CVS160B	125	LV516312	5.481.300
	160	LV516313	6.238.100
CVS250B	200	LV525312	7.486.600
	250	LV525313	8.485.400

EasyPact CVS100/630, 3P, Type F, Icu=36kA / 415V

CVS100F	16	LV510330	2.960.100
	25	LV510331	2.960.100
	32	LV510332	2.960.100
	40	LV510333	2.960.100
	50	LV510334	2.960.100
	63	LV510335	2.960.100
	80	LV510336	3.070.100
	100	LV510337	3.070.100
CVS160F	125	LV516332	3.946.800
	160	LV516333	4.987.400
CVS250F	200	LV525332	6.111.600
	250	LV525333	6.827.700
CVS400F	320	LV540305	10.315.800
	400	LV540306	10.858.100
CVS630F	500	LV563305	13.979.900
	600	LV563306	16.131.500

EasyPact CVS100/630, 4P, Type F, Icu=36kA / 415V

CVS100F	16	LV510340	4.109.600
	25	LV510341	4.109.600
	32	LV510342	4.109.600
	40	LV510343	4.109.600
	50	LV510344	4.109.600
	63	LV510345	4.109.600
	80	LV510346	4.385.700
	100	LV510347	4.385.700
CVS160F	125	LV516342	5.765.100
	160	LV516343	6.781.500
CVS250F	200	LV525342	8.509.600
	250	LV525343	9.641.500
CVS400F	320	LV540308	11.943.800
	400	LV540309	13.302.300
CVS630F	500	LV563308	17.476.800
	600	LV563309	18.552.600

EasyPact CVS400/630, 3P, Type N, Icu=50kA / 415V

CVS400N	320	LV540315	11.401.500
	400	LV540316	12.215.500
CVS630N	500	LV563315	16.131.500
	600	LV563316	17.339.300

EasyPact CVS400/630, 4P, Type N, Icu=50kA / 415V

CVS400N	320	LV540318	14.386.900
	400	LV540319	15.200.900
CVS630N	500	LV563318	18.818.800
	600	LV563319	20.432.500

Giá trên đã bao gồm VAT

MCCB Compact NSXm

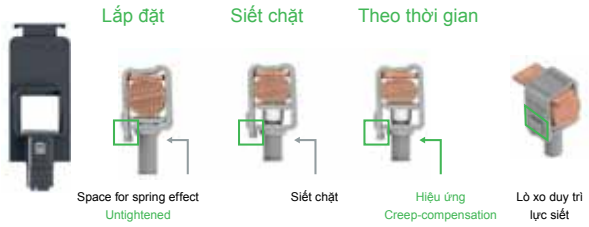

- Đầu nối dạng EverLink
- Phụ kiện dạng lò xo có thể trực quan
- Lắp đặt Built-in DIN rail và trên đế

Compact NSXm E (16kA @ 380/415V) with TMD trip unit

EverLink™ connectors 3P		
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV426100	3.777.400
25	LV426101	3.777.400
32	LV426102	3.777.400
40	LV426103	3.777.400
50	LV426104	3.777.400
63	LV426105	3.777.400
80	LV426106	3.885.200
100	LV426107	3.885.200
125	LV426108	4.911.500
160	LV426109	4.911.500

Compression lug/busbar connectors 3P		
16	LV426150	3.529.900
25	LV426151	3.529.900
32	LV426152	3.529.900
40	LV426153	3.529.900
50	LV426154	3.529.900
63	LV426155	3.529.900
80	LV426156	3.630.000
100	LV426157	3.630.000
125	LV426158	4.590.300
160	LV426159	4.590.300

EverLink™ connectors 4P		
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV426110	5.105.100
25	LV426111	5.105.100
32	LV426112	5.105.100
40	LV426113	5.105.100
50	LV426114	5.105.100
63	LV426115	5.105.100
80	LV426116	5.420.800
100	LV426117	5.420.800
125	LV426118	7.653.800
160	LV426119	8.408.400

Compression lug/busbar connectors 4P		
16	LV426160	4.770.700
25	LV426161	4.770.700
32	LV426162	4.770.700
40	LV426163	4.770.700
50	LV426164	4.770.700
63	LV426165	4.770.700
80	LV426166	5.065.500
100	LV426167	5.065.500
125	LV426168	7.153.300
160	LV426169	7.858.400

Compact NSXm B (25kA @ 380/415V) with TMD trip unit

EverLink™ connectors 3P		
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV426200	3.934.700
25	LV426201	3.934.700
32	LV426202	3.934.700
40	LV426203	3.934.700
50	LV426204	3.934.700
63	LV426205	3.934.700
80	LV426206	4.046.900
100	LV426207	4.046.900
125	LV426208	5.116.100
160	LV426209	5.116.100

Compression lug/busbar connectors 3P		
16	LV426250	3.677.300
25	LV426251	3.677.300
32	LV426252	3.677.300
40	LV426253	3.677.300
50	LV426254	3.677.300
63	LV426255	3.677.300
80	LV426256	3.781.800
100	LV426257	3.781.800
125	LV426258	4.781.700
160	LV426259	4.781.700

EverLink™ connectors 4P		
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV426210	5.317.400
25	LV426211	5.317.400
32	LV426212	5.317.400
40	LV426213	5.317.400
50	LV426214	5.317.400
63	LV426215	5.317.400
80	LV426216	5.646.300
100	LV426217	5.646.300
125	LV426218	7.972.800
160	LV426219	8.759.300

Compression lug/busbar connectors 4P		
16	LV426260	4.969.800
25	LV426261	4.969.800
32	LV426262	4.969.800
40	LV426263	4.969.800
50	LV426264	4.969.800
63	LV426265	4.969.800
80	LV426266	5.276.700
100	LV426267	5.276.700
125	LV426268	7.451.400
160	LV426269	8.186.200

Giá trên đã bao gồm VAT

MCCB Compact NSXm

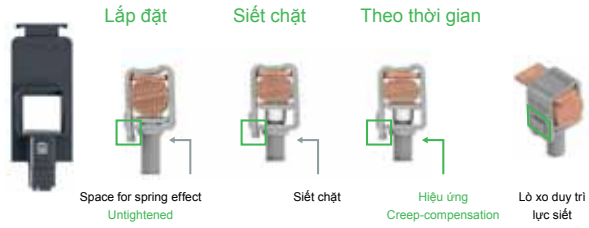

- Đầu nối dạng EverLink
- Phụ kiện dạng lò xo có thể trực quan
- Lắp đặt Built-in DIN rail và trên đế

Compact NSXm F (36kA @ 380/415V) with TMD trip unit

EverLink™ connectors 3P		
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV426300	4.142.600
25	LV426301	4.142.600
32	LV426302	4.142.600
40	LV426303	4.142.600
50	LV426304	4.142.600
63	LV426305	4.142.600
80	LV426306	4.259.200
100	LV426307	4.259.200
125	LV426308	5.504.400
160	LV426309	6.990.500

Compression lug/busbar connectors 3P		
16	LV426350	3.872.000
25	LV426351	3.872.000
32	LV426352	3.872.000
40	LV426353	3.872.000
50	LV426354	3.872.000
63	LV426355	3.872.000
80	LV426356	3.980.900
100	LV426357	3.980.900
125	LV426358	5.144.700
160	LV426359	6.532.900

EverLink™ connectors 4P		
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV426310	5.652.900
25	LV426311	5.652.900
32	LV426312	5.652.900
40	LV426313	5.652.900
50	LV426314	5.652.900
63	LV426315	5.652.900
80	LV426316	6.002.700
100	LV426317	6.002.700
125	LV426318	8.092.700
160	LV426319	9.518.300

Compression lug/busbar connectors 4P		
16	LV426360	5.283.300
25	LV426361	5.283.300
32	LV426362	5.283.300
40	LV426363	5.283.300
50	LV426364	5.283.300
63	LV426365	5.283.300
80	LV426366	5.610.000
100	LV426367	5.610.000
125	LV426368	7.563.600
160	LV426369	8.895.700

Compact NSXm N (50kA @ 380/415V) with TMD trip unit

EverLink™ connectors 3P		
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV426400	4.735.500
25	LV426401	4.735.500
32	LV426402	4.735.500
40	LV426403	4.735.500
50	LV426404	4.735.500
63	LV426405	4.735.500
80	LV426406	4.865.300
100	LV426407	4.865.300
125	LV426408	6.058.800
160	LV426409	7.694.500

Compression lug/busbar connectors 3P		
16	LV426450	4.425.300
25	LV426451	4.425.300
32	LV426452	4.425.300
40	LV426453	4.425.300
50	LV426454	4.425.300
63	LV426455	4.425.300
80	LV426456	4.547.400
100	LV426457	4.547.400
125	LV426458	5.662.800
160	LV426459	7.190.700

EverLink™ connectors 4P		
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV426410	6.395.400
25	LV426411	6.395.400
32	LV426412	6.395.400
40	LV426413	6.395.400
50	LV426414	6.395.400
63	LV426415	6.395.400
80	LV426416	6.788.100
100	LV426417	6.788.100
125	LV426418	8.911.100
160	LV426419	10.479.700

Compression lug/busbar connectors 4P		
16	LV426460	5.977.400
25	LV426461	5.977.400
32	LV426462	5.977.400
40	LV426463	5.977.400
50	LV426464	5.977.400
63	LV426465	5.977.400
80	LV426466	6.343.700
100	LV426467	6.343.700
125	LV426468	8.328.100
160	LV426469	9.794.400

Giá trên đã bao gồm VAT

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI Compact NSXm
Compact NSXm H fixed type & Auxiliaries

MCCB Compact NSXm

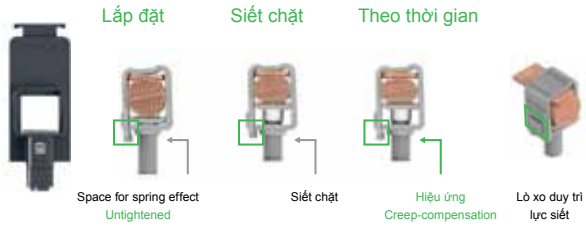

- Đầu nối dạng EverLink
- Phụ kiện dạng lò xo có thể trực quan
- Lắp đặt Built-in DIN rail và trên đế

Compact NSXm H (70kA @ 380/415V) with TMD trip unit

EverLink™ connectors	3P	
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV426500	5.269.000
25	LV426501	5.269.000
32	LV426502	5.269.000
40	LV426503	5.269.000
50	LV426504	5.269.000
63	LV426505	5.269.000
80	LV426506	5.487.900
100	LV426507	5.487.900
125	LV426508	7.792.400
160	LV426509	9.463.300

Compression lug/busbar connectors	3P	
16	LV426550	4.924.700
25	LV426551	4.924.700
32	LV426552	4.924.700
40	LV426553	4.924.700
50	LV426554	4.924.700
63	LV426555	4.924.700
80	LV426556	5.129.300
100	LV426557	5.129.300
125	LV426558	7.283.100
160	LV426559	8.844.000

Compact NSXm N (50kA @ 380/415V) with TMD trip unit

EverLink™ connectors	4P	
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV426510	7.415.100
25	LV426511	7.415.100
32	LV426512	7.415.100
40	LV426513	7.415.100
50	LV426514	7.415.100
63	LV426515	7.415.100
80	LV426516	7.889.200
100	LV426517	7.889.200
125	LV426518	10.442.300
160	LV426519	11.908.600

Compression lug/busbar connectors	4P	
16	LV426560	6.930.000
25	LV426561	6.930.000
32	LV426562	6.930.000
40	LV426563	6.930.000
50	LV426564	6.930.000
63	LV426565	6.930.000
80	LV426566	7.373.300
100	LV426567	7.373.300
125	LV426568	9.759.200
160	LV426569	11.129.800

Compact NSXm Auxiliaries

				Reference	Unit Price
Auxiliary contacts (changeover)		Standard OF or SD		LV426950	750.200
AC	**Voltages**	**MX**		**MN**	
	110...130 V 50HZ	LV426843	3.518.900	LV426803	3.518.900
	220...240 V 50 Hz	LV426844	6.930.000	LV426804	3.518.900
	380...415 V 50 HZ	LV426846	6.930.000	LV426806	3.518.900
DC	250 V DC	LV426844	6.930.000	LV426815	3.518.900
Direct rotary handle				LV426930	2.029.500
Extended rotary handle				LV426932	2.327.600
Open door shaft operator				LV426937	1.114.300
Lateral rotary handle				LV426935	2.158.200
CB fixed handle padlock ON/OFF				LV426905	935.000

Giá trên đã bao gồm VAT

CB BẢO VỆ ĐỘNG CƠ LOẠI TỪ VÀ TỪ NHIỆT - TESYS

CB bảo vệ động cơ loại từ và nhiệt - GV2ME và GV2P

- Bảo vệ ngắn mạch
- Phải dùng phối hợp với rơ le nhiệt bảo vệ động cơ
- Chỉ thị trạng thái ON-TRIP-OFF

CB bảo vệ động cơ loại từ GV2LE và GV2L

- Tích hợp rơ le nhiệt bảo vệ quá tải, ngắn mạch và bảo vệ mất pha
- Chỉ thị trạng thái ON-TRIP-OFF

CB bảo vệ động cơ loại từ nhiệt GV2ME

Kw 400/415V	Dải cài đặt dòng điện bảo vệ nhiệt (A)	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
-	0.1…0.16	1.5	GV2ME01	1.210.000
0.06	0.16…0.25	2.4	GV2ME02	1.210.000
0.09	0.25…0.40	5	GV2ME03	1.210.000
0.12	0.40…0.63	8	GV2ME04	1.210.000
0.18	0.40…0.63	8	GV2ME04	1.210.000
0.25	0.63…1	13	GV2ME05	1.256.200
0.37	1…1.6	22.5	GV2ME06	1.311.200
0.55	1…1.6	22.5	GV2ME06	1.311.200
0.75	1.6…2.5	33.5	GV2ME07	1.311.200
1.1	2.5…4	51	GV2ME08	1.311.200
1.5	2.5…4	51	GV2ME08	1.311.200
2.2	4…6.3	78	GV2ME10	1.311.200
3	6…10	138	GV2ME14	1.434.400
4	6…10	138	GV2ME14	1.434.400
5.5	9…14	170	GV2ME16	1.514.700
7.5	13…18	223	GV2ME20	1.514.700
9	17…23	327	GV2ME21	1.514.700
11	20…25	327	GV2ME22	1.514.700
15	24…32	416	GV2ME32	1.514.700

CB bảo vệ động cơ loại từ nhiệt GV2P

-	0.1…0.16	1.5	GV2P01	1.488.300
0.06	0.16…0.25	2.4	GV2P02	1.488.300
0.09	0.25…0.40	5	GV2P03	1.488.300
0.12	0.40…0.63	8	GV2P04	1.488.300
0.18	0.40…0.63	8	GV2P04	1.488.300
0.25	0.63…1	13	GV2P05	1.546.600
0.37	1…1.6	22.5	GV2P06	1.609.300
0.55	1…1.6	22.5	GV2P06	1.609.300
0.75	1.6…2.5	33.5	GV2P07	1.609.300
1.1;1.5	2.5…4	51	GV2P08	1.609.300
2.2	4…6.3	78	GV2P10	1.609.300
3 ; 4	6…10	138	GV2P14	1.762.200
5.5	9…14	170	GV2P16	1.861.200
7.5	13…18	223	GV2P20	1.861.200
9	17…23	327	GV2P21	1.861.200
11	20…25	327	GV2P22	1.861.200
15	24…32	416	GV2P32	1.861.200

CB bảo vệ động cơ loại từ GV2LE

Kw 400/415V	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
0.06	0.4	5	GV2LE03	1.131.900
0.09	0.4	5	GV2LE03	1.131.900
0.12	0.63	8	GV2LE04	1.131.900
0.18	0.63	8	GV2LE04	1.131.900
0.25	1	13	GV2LE05	1.174.800
0.37	1	13	GV2LE05	1.174.800
0.55	1.6	22.5	GV2LE06	1.225.400
0.75	2.5	33.5	GV2LE07	1.225.400
1.1	4	51	GV2LE08	1.225.400
1.5	4	51	GV2LE08	1.225.400
2.2	6.3	78	GV2LE10	1.225.400
3	10	138	GV2LE14	1.337.600
4	10	138	GV2LE14	1.337.600
5.5	14	170	GV2LE16	1.414.600
7.5	18	223	GV2LE20	1.414.600
9	25	327	GV2LE22	1.414.600
11	25	327	GV2LE22	1.414.600
15	32	416	GV2LE32	1.414.600

CB bảo vệ động cơ loại từ GV2L

0.06	0.4	5	GV2L03	1.413.500
0.09	0.4	5	GV2L03	1.413.500
0.12	0.63	8	GV2L04	1.413.500
0.18	0.63	8	GV2L04	1.413.500
0.25	1	13	GV2L05	1.470.700
0.37	1	13	GV2L05	1.470.700
0.55	1.6	22.5	GV2L06	1.527.900
0.75	2.5	33.5	GV2L07	1.527.900
1.1	4	51	GV2L08	1.527.900
1.5	4	51	GV2L08	1.527.900
2.2	6.3	78	GV2L10	1.527.900
3	10	138	GV2L14	1.675.300
4	10	138	GV2L14	1.675.300
5.5	14	170	GV2L16	1.767.700
7.5	18	223	GV2L20	1.767.700
9	25	327	GV2L22	1.767.700
11	25	327	GV2L22	1.767.700
15	32	416	GV2L32	1.767.700

Giá trên đã bao gồm VAT

KHỞI ĐỘNG TỪ TESYS D 9-150A

- Dùng điều khiển động cơ lên đến 75kW, loại AC1, AC3
- Điện áp điều khiển cho cuộn dây: AC, DC, LC
- Tích hợp 2 tiếp điểm phụ , 1NO, 1NC
- Độ bền cơ khí và độ bền điện cao

Khởi động từ với cuộn dây điều khiển loại AC

Kw 380V 400V	Dòng định mức AC-3	Tiếp điểm phụ N/O	Tiếp điểm phụ N/C	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4	9	1	1	LC1D09 ●●	501.600
5.5	12	1	1	LC1D12 ●●	599.500
7.5	18	1	1	LC1D18 ●●	800.800
11	25	1	1	LC1D25 ●●	1.120.900
15	32	1	1	LC1D32 ●●	1.397.000
18.5	38	1	1	LC1D38 ●●	1.643.400
18.5	40	1	1	LC1D40A ●●	2.549.800
22	50	1	1	LC1D50A ●●	2.990.900
30	65	1	1	LC1D65A ●●	3.693.800
37	66	1	1	LC1D80A ●●	4.622.200
45	95	1	1	LC1D95 ●●	5.751.900
55	115	1	1	LC1D115 ●●	7.808.900
75	150	1	1	LC1D150 ●●	9.859.300

Khởi động từ với cuộn dây điều khiển loại DC

Kw 380V 400V	Dòng định mức AC-3	Tiếp điểm phụ		Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4	9	1	1	LC1D09●●	848.100
5.5	12	1	1	LC1D12●●	1.018.600
7.5	18	1	1	LC1D18●●	1.358.500
11	25	1	1	LC1D25●●	1.358.500
15	32	1	1	LC1D32●●	2.372.700
18.5	38	1	1	LC1D38●●	2.795.100
18.5	40	1	1	LC1D40A●●	4.331.800
22	50	1	1	LC1D50A●●	5.084.200
30	65	1	1	LC1D65A●●	6.279.900
37	80	1	1	LC1D80A●●	
45	95	1	1	LC1D95●●	9.776.800
55	115	1	1	LC1D115●●	13.269.300
75	150	1	1	LC1D150●●	16.761.800

Khởi động từ với cuộn dây điều khiển loại DC-LC tiết kiệm năng lượng

Kw 380V 400V	Dòng định mức AC-3	Tiếp điểm phụ N/O	Tiếp điểm phụ N/C	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4	9	1	1	LC1D09●●	908.600
5.5	12	1	1	LC1D12●●	1.091.200
7.5	18	1	1	LC1D18●●	1.450.900
11	25	1	1	LC1D25●●	2.033.900
15	32	1	1	LC1D32●●	2.539.900
18.5	38	1	1	LC1D38●●	2.990.900

Standard control ciruit voltages													
~ supply													
Volts	24	42	48	110	115	220	230	240	380	400	415	440	500
Contactors LC1-D09...D150 (coils D115 and D150 with intergral suppression deviece fitted as standard)													
50/60 Hz	B7	D7	E7	F7	-	M7	P7	U7	Q7	-	N7	R7	-
Contactors LC1-D80...D115													
50 Hz	B5	D5	E5	F5	FE5	M5	P5	U5	Q5	V5	N5	R5	S5
60 Hz	B6	-	E6	F6	-	M6	-	U6	Q6	-	-	R6	-
⎓ supply													
Volts	12	24	36	48	60	72	110	125	220	250	440		
Contactors LC1-D09...D65A(coils with intergral suppression deviece fitted as standard)													
U 0.75...1.25Uc	JD	BD	-	ED	ND	-	FD	GD	MD	-	RD		
Contactors LC1-D80...D95													
U 0.85...1.1Uc	JD	BD	CD	ED	ND	SD	FD	GD	MD	UD	RD		
U 0.75...1.2 Uc	JW	BW	CW	EW	-	SW	FW	-	MW	-	-		
Contactors LC1-D115 and D150(coils with intergral suppression deviece fitted as standard)													
U 0.75...1.2 Uc	-	BD	-	ED	ND	SD	FD	GD	MD	UD	RD		
Low consumption													
Contactors LC1-D09...D38(coils with intergral suppression deviece fitted as standard)													
Volts ⎓	5	12	20	24	48	110	120	250					
U 0.7...1.25 Uc	AL	JL	ZL	BL	EL	FL	ML	UL					

Giá trên đã bao gồm VAT

RƠ LE NHIỆT TESYS LOẠI D

- Tương thích cho lắp đặt với khởi động từ Tesys D
- Dùng cho bảo vệ động cơ và bảo vệ mất pha
- Reset tự động hoặc bằng tay, chỉ thị TRIP

Class 10 (1) với liên kết Everlink, đấu kết nối bắt vít BTR

Class 10A (1) với đấu kết nối bắt vít

Dải cài đặt của rơ le	Sử dụng với contactor LC1D	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
0.10…0.16	D09…D38	LRD01	528.000
0.16…0.25	D09…D38	LRD02	528.000
0.25…0.40	D09…D38	LRD03	528.000
0.40…0.63	D09…D38	LRD04	528.000
0.63…1	D09…D38	LRD05	528.000
1…1.6	D09…D38	LRD06	528.000
1.6…2.5	D09…D38	LRD07	528.000
2.5…4	D09…D38	LRD08	528.000
4…6	D09…D38	LRD10	528.000
5.5…8	D09…D38	LRD12	528.000
7…10	D09…D38	LRD14	528.000
9…13	D12…D38	LRD16	528.000
12…18	D18…D38	LRD21	579.700
16…24	D25…D38	LRD22	606.100
23…32	D25…D38	LRD32	788.700
30…38	D32 and D38	LRD35	796.400

Class 10 A(1) với liên kết Everlink, đấu kết nối bắt vít BTR

Dải cài đặt của rơ le	Sử dụng với contactor LC1D	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
9…13	D40A…D65A	LRD313	1.832.600
12…18	D40A…D65A	LRD318	1.892.000
17…25	D40A…D65A	LRD325	1.952.500
23…32	D40A…D65A	LRD332	2.145.000
30…40	D40A…D65A	LRD340	2.074.600
37…50	D40A…D65A	LRD350	2.401.300
48…65	D50A và D65A	LRD365	2.500.300

Class 10 A(1) với đấu kết nối bắt vít

62...80	D80 và D95	LRD380	3.243.900
80…104	D80 và D95	LRD3365	3.243.900
80…104	D115 và D150	LRD4365	4.606.800
95…120	D115 và D150	LRD4367	5.065.500
110…140	D150	LRD4369	5.206.300

(1) Tiêu chuẩn IEC 947-4-1 chỉ định thời gian trip khi dòng điện đi qua rơ le bằng 7.2 lần dòng điện cài đặt IR Class 10A : từ 2 đến 10 giây.

KHỞI ĐỘNG TỪ EASYPACT TVS

Khởi động từ Easypact TVS

LC1E65

LC1E120

LC1E300

- Dòng điện định mức từ 6 đến 630A, AC3
- Điện áp điều khiển: AC

Rơ le nhiệt Easypact TVS

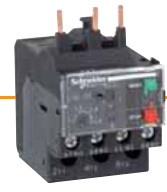
LRE••

LRE3••

LRE48•

- Tương thích cho lắp đặt với khởi động từ Easypact TVS
- Dùng cho bảo vệ động cơ

Khởi động từ có cấu đấu nối bằng ốc vít

KW 380V 400V	Dòng định mức AC-3	Tiếp điểm phụ N/O	Tiếp điểm phụ N/C	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
2.2	6	1	0	LC1E0610••	268.400
2.2	6	0	1	LC1E0601••	268.400
4	9	1	0	LC1E0910••	309.100
4	9	0	1	LC1E0901••	309.100
5.5	12	1	0	LC1E1210••	349.800
5.5	12	0	1	LC1E1201••	349.800
7.5	18	1	0	LC1E1810••	518.100
7.5	18	0	1	LC1E1801••	518.100
11	25	1	0	LC1E2510••	631.400
11	25	0	1	LC1E2501••	631.400
15	32	1	0	LC1E3210••	928.400
15	32	0	1	LC1E3201••	928.400
18.5	38	1	0	LC1E3810••	1.087.900
18.5	38	0	1	LC1E3801••	1.087.900
18.5	40	1	1	LC1E40••	1.123.100
22	50	1	1	LC1E50••	1.157.200
30	65	1	1	LC1E65••	1.305.700
37	80	1	1	LC1E80••	1.612.600
45	95	1	1	LC1E95••	2.029.500
55	120	1	1	LC1E120••	2.534.400
75	160	1	1	LC1E160••	5.509.900

Khởi động từ đấu nối bằng thanh đồng

90	200	0	0	LC1E200••	6.041.200
132	250	0	0	LC1E250••	8.531.600
160	300	0	0	LC1E300••	10.246.500
200	400	0	0	LC1E400••	16.555.000
250	500	0	0	LC1E500••	30.325.900
335	630	0	0	LC1E630••	43.487.400

Coil voltage code

		24	48	110	220	230	240	380	415	440
LC1E06-300	50 Hz	B5	E5	F5	M5	-	U5	Q5	N5	R5
	50 Hz	B6	-	F6	M6	-	-	Q6	-	R6
LC1E06-95	50/60Hz	B7	E7	F7	M7	P7	-	Q7	-	-
LC1E06-630	50/60Hz	-	E7	F7	M7	-	U7	Q7	N7	R7

Rơ le nhiệt hợp bộ với khởi động từ có cấu đấu nối bằng ốc vít

Dãi cài đặt của Rờ le	Sử dụng với contactor LC1E	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
0.10…0.16	E06…E38	LRE01	332.200
0.16…0.25	E06…E38	LRE02	332.200
0.25…0.40	E06…E38	LRE03	332.200
0.40…0.63	E06…E38	LRE04	332.200
0.63…1	E06…E38	LRE05	332.200
1…1.6	E06…E38	LRE06	332.200
1.6…2.5	E06…E38	LRE07	332.200
2.5…4	E06…E38	LRE08	332.200
4…6	E06…E38	LRE10	332.200
5.5…8	E09…E38	LRE12	332.200
7…10	E09…E38	LRE14	332.200
9…13	E12…E38	LRE16	332.200
12…18	E18…E38	LRE21	332.200
16…24	E25…E38	LRE22	332.200
23…32	E25…E38	LRE32	332.200
30…38	E38	LRE35	363.000
17…25	E40…E95	LRE322	671.000
23…32	E40…E95	LRE353	671.000
30…40	E40…E95	LRE355	671.000
37…50	E50…E95	LRE357	671.000
48…65	E65…E95	LRE359	671.000
55…70	E80…E95	LRE361	1.938.200
63…80	E80…E95	LRE363	1.919.500
80…104	E95	LRE365	1.956.900

Rơ le nhiệt hợp bộ với khởi động từ đấu nối bằng thanh đồng

51…81	E120…E160	LRE480	2.050.400
62…99	E120…E160	LRE481	2.050.400
84…135	E120…E160	LRE482	2.999.700
124…198	E200	LRE483	3.086.600
146…234	E250...E400	LRE484	3.086.600
174…279	E250...E400	LRE485	4.364.800
208…333	E250...E400	LRE486	4.364.800
259…414	E300...E400	LRE487	4.589.200
321…513	E500	LRE488	6.164.400
394…630	E630	LRE489	7.155.500

* Vui lòng liên hệ Schneider Electric để biết giá

Giá trên đã bao gồm VAT

GZ1E

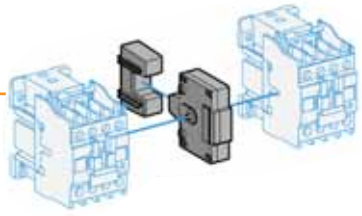

LAEM1

LAEN22

LAETSD

GZ1E

CB bảo vệ động cơ loại từ nhiệt GZ

Kw 400/415V	Dải cài đặt dòng điện bảo vệ nhiệt (A)	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
-	0.1...0.16	1.5	GZ1E01	844.800
-	0.16...0.25	2.4	GZ1E02	844.800
-	0.25 ...0.40	5	GZ1E03	844.800
-	0.40 ...0.63	8	GZ1E04	844.800
-	0.63...1	13	GZ1E05	899.800
0.37	1... 1.6	22.5	GZ1E06	899.800
0.75	1.6...2.5	33.5	GZ1E07	899.800
1.5	2.5...4	51	GZ1E08	899.800
2.2	4...6.3	78	GZ1E10	899.800
4	6 ... 10	138	GZ1E14	970.200
5.5	9 ... 14	170	GZ1E16	1.089.000
7.5	13 ... 18	223	GZ1E20	1.089.000
9	17 ... 23	327	GZ1E21	1.089.000
11	20 ... 25	327	GZ1E22	1.089.000
15	24 ... 32	416	GZ1E32	1.089.000

Liên động cơ khí

Khóa liên động cơ khí	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
LC1E06…E12	LAEM1	78.100
LC1E18 / E25	LAEM1	78.100
LC1E32 / E38	LAEM1	78.100
LC1E40…E65	LAEM1	78.100
LC1E80 / E95	LAEM4	176.000
LC1E120 / E160	LAEM5	701.800
LC1E200 / E250	LAEM6	704.000
LC1E300	LAEM7	988.900
LC1E400	LAEM7	988.900
LC1E500	LAEM7	988.900
LC1E630	LAEM8	1.167.100

Khối tiếp điểm phụ gắn ở mặt trước

Tiếp điểm phụ	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1 NO / 1 NC	LAEN11	78.100
2 NO	LAEN20	78.100
2 NC	LAEN02	78.100
2NO / 2 NC	LAEN22	156.200

Rơ le thời gian

Tiếp điểm phụ	Rơ le thời gian loại	Khoảng cài đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1 NO / 1 NC	On-delay	1…30s	LAETSD	1.035.100

Giá trên đã bao gồm VAT

NÚT NHẤN - ĐÈN BÁO - CÔNG TẮC XOAY HỌ XB7

• Dãy sản phẩm kinh tế, màu sắc đa dạng • Cấp bảo vệ: IP54 • Tuổi thọ cao

XB7NA..

XB7ND...

XB7NS8

XB7EV...

XALE 1

XALEK 1

XB7NW..

XB7NG..

XB7NS9

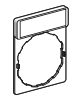
ZBY2101

XALE 2

XALE 3

Nút nhấn nhả Ø 22mm

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
●	N/O	XB7NA21	73.700
●	N/O	XB7NA31	73.700
●	N/C	XB7NA42	73.700
●	N/O	XB7NA81	73.700

Nút nhấn nhả Ø 22mm

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
●	N/O + N/C	XB7NA25	110.000
●	N/O + N/C	XB7NA35	110.000
●	N/O + N/C	XB7NA45	110.000
●	N/O + N/C	XB7NA85	110.000

Nút nhấn có đèn LED điện áp 24Vdc

●	N/O	XB7NW33B1	191.400
●	N/O	XB7NW34B1	191.400
●	N/C	XB7NW34B2	191.400
●	N/O	XB7NW38B1	191.400

Nút nhấn có đèn LED điện áp 230Vac

●	N/O	XB7NW33M1	248.600
●	N/O	XB7NW34M1	248.600
●	N/C	XB7NW34M2	248.600
●	N/O	XB7NW38M1	248.600

Công tắc xoay 2 vị trí

	N/O	XB7ND21	132.000
	N/O + N/C	XB7ND25	140.800

Công tắc xoay 3 vị trí

	2 N/O	XB7ND33	140.800

Công tắc xoay có khóa 2 vị trí

	N/O	XB7NG21	194.700

Công tắc xoay có khóa 3 vị trí

	2 N/O	XB7NG33	245.300

Nút dừng khẩn cấp Ø40 xoay để mở

●	N/C	XB7NS8442	163.900
●	N/O + N/C	XB7NS8445	177.100

Nút dừng khẩn cấp Ø40 mở bằng chìa khóa

●	2 N/C	XB7NS9444	332.200
●	N/O + N/C	XB7NS9445	350.900

Đèn LED điện áp 24Vdc

●	XB7EV03BP	104.500
●	XB7EV04BP	104.500
●	XB7EV05BP	104.500
●	XB7EV06BP	104.500

Đèn LED điện áp 230Vac

●	XB7EV03MP	104.500
●	XB7EV04MP	104.500
●	XB7EV05MP	104.500
●	XB7EV06MP	104.500

Phụ Kiện

	ZBY2101	42.900

Hộp

Mặt xám 1 lỗ	XALE1	225.500
Mặt xám 2 lỗ	XALE2	236.500
Mặt xám 3 lỗ	XALE3	249.700

Giá trên đã bao gồm VAT

Đèn báo Ø22

XA2EVxx3LC

XA2EVxx5LC

NEW

XA2EVxx8LC

Màu	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Điện áp	**24V AC/DC**			**110V AC**			**110V DC**		
○	XA2EVB1LC	10	59.400	XA2EVF1LC	10	64.900	XA2EVFD1LC	10	64.900
●	XA2EVB3LC	10	59.400	XA2EVF3LC	10	64.900	XA2EVFD3LC	10	64.900
●	XA2EVB4LC	10	59.400	XA2EVF4LC	10	64.900	XA2EVFD4LC	10	64.900
●	XA2EVB5LC	10	59.400	XA2EVF5LC	10	64.900	XA2EVFD5LC	10	64.900
●	XA2EVB6LC	10	59.400	XA2EVF6LC	10	64.900	XA2EVFD6LC	10	64.900
●	XA2EVB8LC	10	59.400	XA2EVF8LC	10	64.900	XA2EVFD8LC	10	64.900
Điện áp	**220V AC**			**220V DC**			**380V - 400V AC**		
○	XA2EVM1LC	10	53.900	XA2EVMD1LC	10	64.900	XA2EVQ1LC	10	67.100
●	XA2EVM3LC	10	53.900	XA2EVMD3LC	10	64.900	XA2EVQ3LC	10	67.100
●	XA2EVM4LC	10	53.900	XA2EVMD4LC	10	64.900	XA2EVQ4LC	10	67.100
●	XA2EVM5LC	10	53.900	XA2EVMD5LC	10	64.900	XA2EVQ5LC	10	67.100
●	XA2EVM6LC	10	53.900	XA2EVMD6LC	10	64.900	XA2EVQ6LC	10	67.100
●	XA2EVM8LC	10	53.900	XA2EVMD8LC	10	64.900	XA2EVQ8LC	10	67.100

Nút nhấn nhả Ø22

XA2EA31

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Không có ký hiệu				
○	N/O	XA2EA11	10	50.600
●	N/O	XA2EA21	10	50.600
●	N/O	XA2EA31	10	50.600
●	N/O	XA2EA51	10	50.600
●	N/O	XA2EA61	10	50.600
●	N/C	XA2EA42	10	50.600

XA2EA4342

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Có ký hiệu				
●	N/O	XA2EA3311	10	58.300
●	N/O	XA2EA3351	10	58.300
○	N/O	XA2EA3341	10	58.300
●	N/C	XA2EA4322	10	58.300
●	N/C	XA2EA4342	10	58.300

Nút nhấn nhả đầu nấm Ø22

XA2EC51

Đường kính (mm)	Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Ø40	●	N/O	XA2EC21	10	63.800
Ø40	●	N/O	XA2EC31	10	63.800
Ø40	●	N/C	XA2EC42	10	63.800
Ø40	●	N/O	XA2EC51	10	63.800
Ø60	●	N/O	XA2EC21	10	63.800

Nút nhấn giữ Ø22

XA2EH021

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
○	N/O	XA2EH011	10	86.900
●	N/O	XA2EH021	10	86.900
●	N/O	XA2EH031	10	86.900
●	N/C	XA2EH042	10	86.900
●	N/O	XA2EH051	10	86.900
●	N/O	XA2EH061	10	86.900

Công tắc xoay có khóa Ø22

XA2EG03

Số vị trí	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Tay nắm ngắn				
2 vị trí	N/O	XA2EG21	10	196.900
2 vị trí	2N/O	XA2EG43	10	232.100
2 vị trí tự nhả	2N/O	XA2EG63	10	232.100
3 vị trí	2N/O	XA2EG73	10	232.100
3 vị trí	2N/O	XA2EG33	10	232.100
3 vị trí	2N/O	XA2EG03	10	232.100

Nút dừng khẩn cấp Ø22

XA2ET42

Đường kính (mm)	Cách tác động	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Ø40 - red	Nhấn-kéo nhả	N/C	XA2ET42	10	201.300
Ø30 - red	Xoay nhả	N/C	XA2ES442	10	102.300
Ø40 - red	Xoay nhả	N/C	XA2ES542	10	82.500
Ø60 - red	Xoay nhả	N/C	XA2ES642	10	102.300
Ø30 - black	Xoay nhả	N/C	XA2ES422	10	102.300

Công tắc xoay Ø22

XA2ED21

XA2EJ21

Số vị trí	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Số vị trí	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Tay nắm ngắn					**Tay nắm dài**				
2 vị trí - tự giữ	N/O	XA2ED21	10	66.000	2 vị trí - tự giữ	N/O	XA2EJ21	10	83.600
2 vị trí - tự giữ	N/O+N/C	XA2ED25	10	96.800	2 vị trí - tự giữ	N/O+N/C	XA2EJ25	10	110.000
3 vị trí - tự giữ	2N/O	XA2ED33	10	96.800	3 vị trí - tự giữ	2N/O	XA2EJ33	10	110.000
3 vị trí - tự nhả	2N/O	XA2ED53	10	96.800	3 vị trí - tự nhả	2N/O	XA2EJ53	10	110.000
2 vị trí - tự nhả	N/O	XA2ED41	10	83.600					

Phụ kiện

ZA2EE101

Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Dùng cho nút nhấn và công tắc họ XA2			
Tiếp điểm phụ			
N/O	ZA2EE101	10	26.400
N/C	ZA2EE102	10	26.400

Nút nhấn có đèn báo Ø22

XA2EW35B1

Màu	Mã hàng	Tiếp điểm	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Tiếp điểm	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Tiếp điểm	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Điện áp	**24V AC/DC**				**220V AC**				**380V AC**			
○	XA2EW31B1	N/O	10	126.500	XA2EW31M1	N/O	10	126.500	XA2EW31Q1	N/O	10	126.500
●	XA2EW33B1	N/O	10	126.500	XA2EW33M1	N/O	10	126.500	XA2EW33Q1	N/O	10	126.500
●	XA2EW34B1	N/O	10	126.500	XA2EW34M1	N/O	10	126.500	XA2EW34Q1	N/O	10	126.500
●	XA2EW35B1	N/O	10	126.500	XA2EW35M1	N/O	10	126.500	XA2EW35Q1	N/O	10	126.500
●	XA2EW36B1	N/O	10	126.500	XA2EW36M1	N/O	10	126.500	XA2EW36Q1	N/O	10	126.500

RƠ LE TRUNG GIAN 2-4 C/O, 5-3A loại RXM●●LB

- Tần số đóng ngắt tối đa: 1200 lần/ giờ
- Tuổi thọ cơ khí 10 triệu lần
- Đáp ứng theo tiêu chuẩn: IEC/ EN60068-2-6, IEC/ EN60529, IEC/ EN60068-2-27

Rơ le không đèn chỉ thị - 3A

Điện áp	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
12Vdc	4 C/O	RXM4LB1JD	114.400
24Vdc	4 C/O	RXM4LB1BD	107.800
48Vdc	4 C/O	RXM4LB1ED	107.800
24Vac	4 C/O	RXM4LB1B7	107.800
120Vac	4 C/O	RXM4LB1F7	114.400
230Vac	4 C/O	RXM4LB1P7	107.800

Rơ le không đèn chỉ thị - 5A

Điện áp	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
12Vdc	2 C/O	RXM2LB1JD	103.400
24Vdc	2 C/O	RXM2LB1BD	96.800
48Vdc	2 C/O	RXM2LB1ED	96.800
24Vac	2 C/O	RXM2LB1B7	96.800
120Vac	2 C/O	RXM2LB1F7	103.400
230Vac	2 C/O	RXM2LB1P7	96.800

Rơ le có đèn chỉ thị - 3A

12Vdc	4 C/O	RXM4LB2JD	133.100
24Vdc	4 C/O	RXM4LB2BD	126.500
36Vdc	4 C/O	RXM4LB2CD	133.100
48Vdc	4 C/O	RXM4LB2ED	133.100
110Vdc	4 C/O	RXM4LB2FD	137.500
24Vac	4 C/O	RXM4LB2B7	126.500
120Vac	4 C/O	RXM4LB2F7	137.500
230Vac	4 C/O	RXM4LB2P7	126.500

Rơ le có đèn chỉ thị - 5A

12Vdc	2 C/O	RXM2LB2JD	122.100
24Vdc	2 C/O	RXM2LB2BD	105.600
36Vdc	2 C/O	RXM2LB2CD	122.100
48Vdc	2 C/O	RXM2LB2ED	122.100
110Vdc	2 C/O	RXM2LB2FD	122.100
24Vac	2 C/O	RXM2LB2B7	105.600
120Vac	2 C/O	RXM2LB2F7	122.100
230Vac	2 C/O	RXM2LB2P7	105.600

Đế cắm rơ le

	2 C/O	RXZE1M2C	49.500
	4 C/O	RXZE1M4C	66.000

Tất cả mã hàng trên đều được bán theo hộp số lượng 10 cái

BỘ NGUỒN 24V DC - ABL2K

- Thiết kế giải nhiệt tối ưu
- Điện áp vào 100...240V AC, 1 pha
- Điện áp ngõ ra 24V DC
- Công suất từ 35 đến 350W
- Điện áp ngõ ra có thể chỉnh định +/- 15%
- Đèn LED báo nguồn
- Chứng chỉ CE/KC/EAC

Bộ nguồn ABL2K

Điện áp ngõ vào (1 pha 47~63Hz)	Điện áp ngõ ra	Công suất	Dòng định mức	Tự động reset lỗi	Chuyển đổi điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100...240 VAC	24 VDC	35W	1.5A	Có	Tự động	ABL2REM24015K	440.000
	24 VDC	50W	2.2A	Có	Tự động	ABL2REM24020K	473.000
	24 VDC	100W	4.5A	Có	Bằng tay	ABL2REM24045K	638.000
100...120 VAC	24 VDC	150W	6.5A	Có	Bằng tay	ABL2REM24065K	902.000
200...240 VAC	24 VDC	200W	8.3A	Có	Bằng tay	ABL2REM24085K	1.144.000
	24 VDC	250W	10.5A	Có	Bằng tay	ABL2REM24100K	1.254.000
	24 VDC	350W	14.6A	Có	Bằng tay	ABL2REM24150K	1.408.000

Phụ kiện

ABL2K01

ABL2K02

ABL2K03A ABL2K03B

Mô tả	Dùng với bộ nguồn	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Gá gắn 4 góc	ABL2REM24085K ABL2REM24100K ABL2REM24150K	ABL2K01	11.000
Giá đỡ gắn DIN rail 35mm	Tất cả bộ nguồn	ABL2K02	33.000
Giá đỡ chữ L nhỏ	ABL2REM24015K ABL2REM24020K ABL2REM24045K ABL2REM24065K	ABL2K03A	121.000
Giá đỡ chữ L lớn	ABL2REM24085K ABL2REM24100K ABL2REM24150K	ABL2K03B	165.000

Giá trên đã bao gồm VAT

BỘ ĐIỀU KHIỂN & ĐỒNG HỒ

ƯU ĐIỂM BỘ ĐIỀU KHIỂN TỤ BÙ

- Đo sóng hài bậc 3 đến bậc 19
- Đo giá trị kvar thực tế của từng bước tụ bù
- Truyền thông Modbus RS485
- Cảnh báo các bất thường xảy ra ở tủ bù

Bộ điều khiển tụ bù

Mã hàng	Số bước	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
51207	6	-	13.380.400
51213	12	-	16.757.400
VPL06N	6	Modbus	21.979.100
VPL12N	12	Modbus	28.647.300

Tụ bù

Mã hàng	Điện áp (V)	Công suất (kvar)	Đơn giá (VNĐ)
BLRCS100A120B44	440V	10	2.262.700
BLRCS150A180B44	440V	15	3.128.400
BLRCS200A240B44	440V	20	3.791.700
BLRCS250A300B44	440V	25	4.423.100
BLRCS303A364B44	440V	30	5.155.700
BLRCH400A480B44	440V	40	8.950.700
BLRCH500A000B44	440V	50	10.836.100
BLRCH339A407B48	480V	33.9	8.189.500

Cuộn kháng

Mã hàng	Loại	Công suất (kvar)	Đơn giá (VNĐ)
LVR05500A40T	400V 5.7%	50	31.308.200
LVR07500A40T	400V 7%	50	26.285.600
LVR14500A40T	400V 14%	50	41.867.100

ƯU ĐIỂM ĐỒNG HỒ KỸ THUẬT SỐ PM2000

- Phân tích sóng hài đến bậc thứ 31
- Truyền thông modbus
- Đồng hồ thời gian có pin dự phòng
- Bộ nhớ lưu trữ dữ liệu
- Module mở rộng DI/DO, AI/AO

Đồng hồ kỹ thuật số PM2000

Mã hàng	Thông số đo	Cấp chính xác	Phân tích sóng hài	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
METSEPM2110	VAFPE THD	1%	-	-	6.829.900
METSEPM2120	VAFPE THD	1%	15	Modbus	8.355.600
METSEPM2130	VAFPE THD	0.5%	31	Modbus	9.608.500
METSEPM2210	VAFPE THD	1%	-	-	8.473.300
METSEPM2220	VAFPE THD	1%	15	Modbus	10.474.200
METSEPM2230	VAFPE THD	0.5%	31	Modbus	12.047.200

Đồng hồ nhiều biểu giá PM5000

Mã hàng	Số biểu giá	Cấp chính xác	Phân tích sóng hài	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
METSEPM5310	4	0.5%	31	Modbus RS485	15.925.800
METSEPM5320	4	0.5%	31	Modbus TCP/IP	20.951.700
METSEPM5330	4	0.5%	31	Modbus RS485	18.859.500
METSEPM5340	4	0.5%	31	Modbus TCP/IP	23.046.100
METSEPM5560	8	0.2%	63	RS485 & TCP/IP	36.385.800
METSEPM5350	-	0.5%	-	RS485	15.286.700

Đồng hồ tích hợp sẵn biến dòng iEM3000

Mã hàng	Tích hợp biến dòng	Thông số đo	Kích thước	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
A9MEM3100	63A	kWh	5x18mm	-	9.150.900
A9MEM3150	63A	kWh, U, I, P, F	5x18mm	Modbus	10.003.400
A9MEM3165	63A	kWh, U, I, P, F	5x18mm	Bacnet	12.637.900
A9MEM3300	125A	kWh	5x18mm	-	12.068.100
A9MEM3350	125A	kWh, U, I, P, F	5x18mm	Modbus	12.797.400
A9MEM3365	125A	kWh, U, I, P, F	5x18mm	Bacnet	15.045.800

Đồng hồ dùng cho máy phát

Mã hàng	Cấp chính xác	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
METSEPM1130HCL05RS	0.5%	Modbus RS485	3.822.500

Đồng hồ đo VAF PF% Unbalance

Mã hàng	Cấp chính xác	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
METSEDM6000HCL10NC	1%	-	1.974.500
METSEDM6200HCL10RS	1%	Modbus RS485	2.498.100

Giá trên đã bao gồm VAT

SƠ ĐỒ MẠNG ĐIỆN AN TOÀN CHUẨN

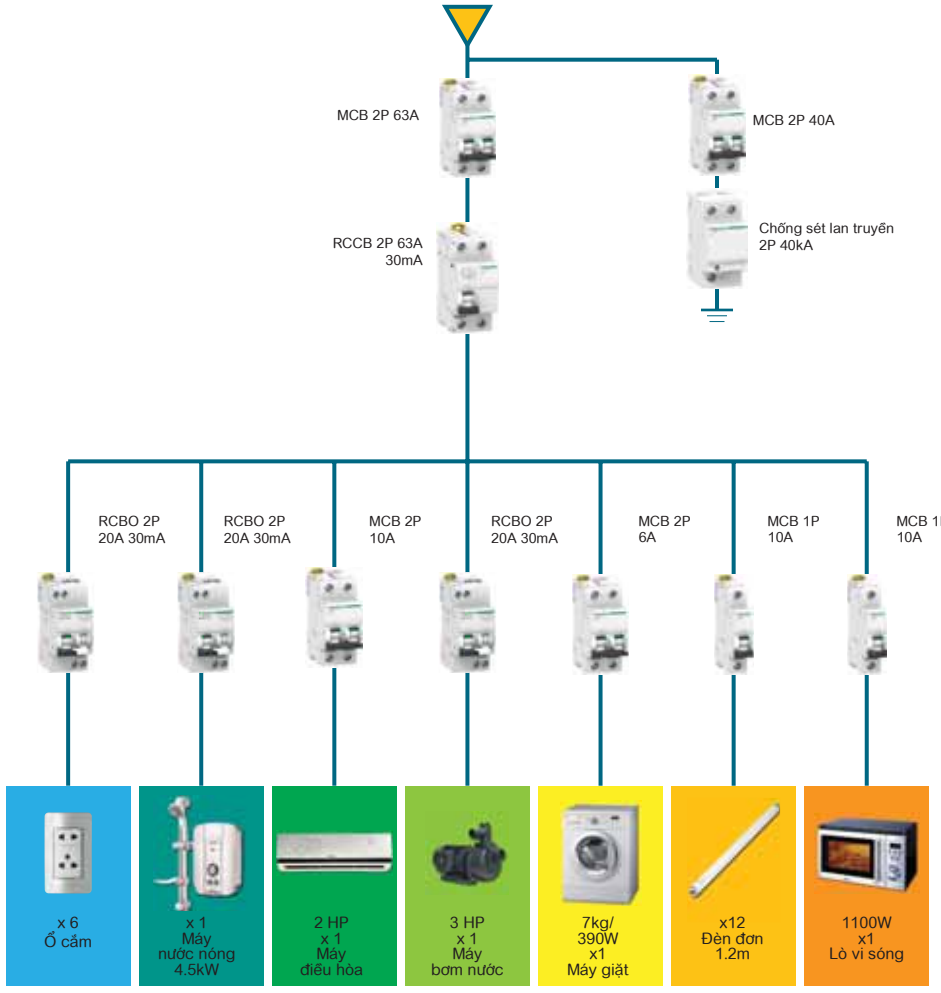

Khuyến cáo lựa chọn cầu dao tự động theo tiết diện dây dẫn

Tiết diện dây dẫn	Mục đích sử dụng	Công suất cho phép tối đa	Lựa chọn cầu dao tự động
1.5mm^2	■ Dùng cho đèn, nguồn các loại ổ cắm thông dụng hoặc thiết bị ít hao điện, (chuông cửa, vv.,)	■ < 2300W	■ 10A
2.5mm^2	■ Cung cấp nguồn cho ổ cắm hoặc ổ cắm chuyên dụng (máy giặt, máy nước nóng, lò sưởi điện)	■ < 3680W	■ 16A - 20A
4mm^2		■ < 5750W	■ 25A
6mm^2	■ Dùng cho các thiết bị như nồi cơm điện, lò nướng, lò sưởi điện CÔNG SUẤT CAO	■ < 7360W	■ 32A
10mm^2	■ Dùng để kết nối điện giữa thiết bị đóng ngắt và tủ điện	■ 6/9/12kvA	■ 16 - 32 A đến 50 A
16mm^2		■ 50/60 kVA	■ 63 A
25mm^2	■ Dùng cho dây dẫn có chức năng bảo vệ chính: phải có cùng tiết diện như dây nối giữa thiết bị đóng ngắt và tủ điện.		